

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 THEO CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN NĂM 2023

Ghi chú:

- 405: Phương thức kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 với điểm thi năng khiếu để xét tuyển.

- 406: Kết hợp kết quả học tập cấp THPT (cả năm lớp 11 hoặc cả năm lớp 12) với điểm thi năng khiếu để xét tuyển.

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	ĐT UT	KV UT	Mã PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Tổng điểm	NV đăng ký	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
1	TDS.01.0001	Lê Lương Phúc An	10/01/2004	Nam	079204006880		3	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	6.0	Địa lí	8.7	18.5	33.20	1	Trúng tuyển	
2	TDS.01.0006	Trần Thiên An	18/01/2005	Nam	075205015606		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.4	GDCD	8.6	18	35.27	7	Trúng tuyển	
3	TDS.01.0003	Trần Khánh An	11/09/2005	Nam	082205001978		2NT	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	8.7	GDCD	8.6	18.5	36.03	1	Trúng tuyển	
4	TDS.01.0009	Nguyễn Hải Sĩ Anh	26/03/2004	Nam	052204008676		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.3	GDCD	7.9	18.5	32.92	1	Trúng tuyển	
5	TDS.01.0015	Bùi Thị Minh Anh	06/09/2002	Nữ	094302004152		3	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T04	Toán	8.1	Vật lí	8.4	19.5	36.00		Trượt	Không ĐKNV
6	TDS.01.0013	Lê Thị Lan Anh	16/05/2003	Nữ	070303005347		3	406	QLTDTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.5	GDCD	8.4	18	34.90	1	Trúng tuyển	
7	TDS.01.0012	Nguyễn Thúy Anh	20/02/2004	Nữ	068304006042		1	406	HLTT	Bóng rổ	T06	Toán	6.7	Địa lí	6.9	15.5	29.85	2	Trượt	
8	TDS.01.0034	Trần Việt Anh	01/06/2003	Nam	072203008316		2NT	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	9.0	19	34.93	2	Trúng tuyển	
9	TDS.01.0028	Phạm Hồ Tuấn Anh	18/10/2004	Nam	068204006755	01	1	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	7.0	Địa lí	6.6	19	35.13	2	Trúng tuyển	
10	TDS.01.0022	Trần Nguyễn Duy Anh	18/11/2005	Nam	079205038026		3	406	GDTC	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	7.9	16.5	31.50	1	Trượt	
11	TDS.01.0038	Phạm Thị Quỳnh Anh	06/07/2004	Nữ	082304014517		3	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	8.5	18	33.60	1	Trúng tuyển	
12	TDS.01.0031	Nguyễn Tiến Anh	11/05/2005	Nam	037205000036		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.8	GDCD	7.3	18	32.10	1	Trúng tuyển	
13	TDS.01.0010	Đào Thị Kim Anh	25/03/2005	Nữ	082305001512		2NT	406	GDTC	Điện kinh	T00	Toán	8.1	Sinh học	9.3	18.5	36.12	1	Trúng tuyển	
14	TDS.01.0037	Phan Thế Anh	16/05/2005	Nam	096205001627		1	405	HLTT	Bơi lội	T05	Ngữ văn	6	GDCD	9.75	20	36.58	1	Trúng tuyển	
15	TDS.01.0030	Ngô Đức Anh	21/04/2005	Nam	040205001758		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.2	GDCD	7.7	14	30.14		Trượt	Không ĐKNV
16	TDS.01.0017	Đinh Ngọc Tuấn Anh	04/10/2001	Nam	062201002335		3	406	GDTC	Bóng chuyền	T06	Toán	6.3	Địa lí	6.4	18.5	31.20		Trượt	Không ĐKNV
17	TDS.01.0016	Nguyễn Tuấn Anh	13/02/2005	Nam	040205023725		3	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn		GDCD		17.5	17.50		Trượt	Không ĐKNV
18	TDS.01.0026	Phạm Tài Duy Anh	19/05/2005	Nam	068205000863		1	406	HLTT	Bóng rổ	T00	Toán		Sinh học		16.5	17.25		Trượt	Không ĐKNV
19	TDS.01.0033	Đoàn Công Anh	03/04/2005	Nam	080205005893		2NT	405	GDTC	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	9.5	19.5	36.63	1	Trúng tuyển	
20	TDS.01.0035	Lê Thị Hồng Anh	30/04/2005	Nữ	096305007458		1	406	HLTT	Bơi lội	T04	Toán	5.1	Vật lí	8.8	19.5	34.04	2	Trúng tuyển	
21	TDS.01.0040	Khâu Hoàng Ân	10/10/2005	Nam	094205002433	01	1	406	GDTC	Bóng chuyền	T00	Toán	8.9	Sinh học	8.4	18.5	37.07	1	Trúng tuyển	
22	TDS.01.0041	Đỗ Phạm Trí Ân	19/11/2004	Nam	058204006689		2NT	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	8.2	Địa lí	8.1	19.5	36.06	1	Trúng tuyển	
23	TDS.01.0045	Hoàng Tùng Bách	18/09/2005	Nam	070205002979		2	406	GDTC	Năng khiếu chung	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.2	20	36.04	1	Trúng tuyển	
24	TDS.01.0055	Nguyễn Hoàng Chí Bảo	23/03/2005	Nam	086205004832		2NT	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T04	Toán	9.8	Vật lí	9.4	19.5	38.77	1	Trúng tuyển	
25	TDS.01.0059	Phạm Hoàng Thái Bảo	19/06/2005	Nam	066205002033		2	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	7.5	Vật lí	8.1	19.5	35.26	1	Trúng tuyển	
26	TDS.01.0065	Ngô Ngọc Bảo	18/09/2005	Nam	075205008673		2	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	8.9	Vật lí	8.4	18.5	35.92	1	Trúng tuyển	
27	TDS.01.0054	Nguyễn Văn Gia Bảo	19/09/2005	Nam	075205017218		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T04	Toán	8.0	Vật lí	8.3	19	35.58	1	Trúng tuyển	
28	TDS.01.0058	Phạm Doãn Thiện Bảo	18/01/2005	Nam	038205000268		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.4	Địa lí	8.2	16	30.85	2	Trúng tuyển	
29	TDS.01.0046	Phạm Chí Bảo	15/09/2005	Nam	079205007758		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.4	GDCD	7.4	12	26.80	1	Trúng tuyển	



✓

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	ĐT UT	KV UT	Mã PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Tổng điểm	NV đăng ký	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
30	TDS.01.0060	Phạm Thanh Bảo	17/08/2005	Nam	096205004209		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.5	Địa lí	8.9	18	35.64	1	Trúng tuyển	
31	TDS.01.0050	Nguyễn Đình Quốc Bảo	01/06/2005	Nam	079205013110		3	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	6.3	GDCD	7.9	18.5	32.70	1	Trúng tuyển	
32	TDS.01.0052	Dương Gia Bảo	18/06/2004	Nam	079204029367		3	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	8.3	Vật lí	8.7	11.5	28.50	1	Trúng tuyển	
33	TDS.01.0056	Nguyễn Thái Bảo	18/07/2005	Nam	077205001499		2	406	HLTT	Điền kinh	T04	Toán	6.7	Vật lí	7.7	19.5	34.10	2	Trúng tuyển	
34	TDS.01.0063	Lê Nguyễn Gia Bảo	23/10/2005	Nam	079205008943		3	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	8.3	GDCD	8.5	14.5	31.30	1	Trúng tuyển	
35	TDS.01.0064	Trần Văn Gia Bảo	12/06/2004	Nam	082204016511		2NT	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	6.5	18	31.60	1	Trúng tuyển	
36	TDS.01.0075	Vũ Thành Cát	24/06/2005	Nam	079205002397		3	406	HLTT	Bóng rổ	T04	Toán	8.5	Vật lí	8.6	17	34.10	1	Trúng tuyển	
37	TDS.01.0078	Nguyễn Đức Công	11/08/2005	Nam	074205000517		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.0	Địa lí	8.3	19	33.51	1	Trúng tuyển	
38	TDS.01.0079	Trần Thành Công	06/09/2005	Nam	077205012100		2NT	406	YSHTD TT	Năng khiếu chung	T03	Ngữ văn	8.8	Sinh học	8.9	18.5	36.40	1	Trúng tuyển	
39	TDS.01.0077	Nguyễn Trần Tiến Công	11/12/2005	Nam	067205001431		1	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	6.7	Vật lí	7.7	18	33.06	6	Trượt	
40	TDS.01.0080	Trương Thị Bảo Cúc	24/01/2005	Nữ	095305003879		1	406	HLTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	8.3	14	29.95	2	Trúng tuyển	
41	TDS.01.0082	Nguyễn Đình Cường	20/02/2004	Nam	052204008033		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.0	Sinh học	7.3	19.5	34.97	1	Trúng tuyển	
42	TDS.01.0086	Võ Nguyễn Quốc Cường	18/10/2004	Nam	072204003201		2	406	HLTT	Bóng bàn	T00	Toán	6.1	Sinh học	5.8	20	32.15	1	Trúng tuyển	
43	TDS.01.0084	Trần Văn Cường	16/09/2005	Nam	026205001147		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.7	15.5	32.48	4	Trúng tuyển	
44	TDS.01.0089	Nguyễn Lê Minh Chánh	21/06/2005	Nam	082205002177		2NT	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	9.0	GDCD	8.8	15.5	33.60	1	Trúng tuyển	
45	TDS.01.0092	Trần Lê Kim Chi	08/05/2005	Nữ	074305004285		2	406	HLTT	Điền kinh	T05	Ngữ văn	6.7	GDCD	7.3	17.5	31.74	1	Trúng tuyển	
46	TDS.01.0091	Nguyễn Thị Bích Chi	09/02/2005	Nữ	083305005009		1	405	HLTT	Bắn súng	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	8.75	18.5	34.95	1	Trúng tuyển	
47	TDS.01.0095	Phan Nguyễn Hoàng Chương	08/03/2004	Nam	080204005144		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	9.5	Địa lí	9.8	18.5	37.90	1	Trúng tuyển	
48	TDS.01.0098	Nguyễn Hồng Danh	16/10/2005	Nam	082205009325		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.0	Địa lí	8.5	15	30.97	1	Trúng tuyển	
49	TDS.01.0099	Đỗ Tiến Danh	06/03/2005	Nam	079205033729		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.3	GDCD	8.1	19.5	33.90	1	Trúng tuyển	
50	TDS.01.0096	Võ Quốc Danh	26/09/2005	Nam	082205005635		3	406	GDTC	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	9.2	16.5	33.70	1	Trượt	
51	TDS.01.0102	Cao Ngọc Diễm	18/09/2005	Nữ	077305010453		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	8.2	Vật lí	8.5	18	34.99	1	Trúng tuyển	
52	TDS.01.0104	Trần Kim Ngọc Diệu	24/06/2004	Nữ	083304000931		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	8.5	Sinh học	8.5	18	35.27	1	Trúng tuyển	
53	TDS.01.0112	Võ Tấn Dũng	02/12/2005	Nam	075205018191		2NT	406	HLTT	Quần vợt	T05	Ngữ văn	8.4	GDCD	7.6	19.5	35.78	2	Trượt	
54	TDS.01.0111	Phạm Nguyễn Dũng	10/11/1998	Nam	062098001776		3	406	HLTT	Điền kinh	T06	Toán	7.7	Địa lí	6.7	16	30.40	2	Trúng tuyển	
55	TDS.01.0110	Trần Quang Tiến Dũng	09/11/2005	Nam	066205004269		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.1	Địa lí	9.6	19	35.02	1	Trúng tuyển	
56	TDS.01.0109	Trần Đình Trí Dũng	28/09/2005	Nam	079205019909		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.3	Địa lí	7.6	19	33.90	2	Trúng tuyển	
57	TDS.01.0113	Đỗ Quang Xuân Dũng	27/09/2005	Nam	079205024425		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	6.9	Sinh học	7.9	14.5	29.55		Trượt	Không ĐKNV
58	TDS.01.0119	Nguyễn Thành Duy	27/12/2004	Nam	075204006630		2	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	8.1	Địa lí	8.3	16	32.59	2	Trúng tuyển	
59	TDS.01.0115	Võ Hoài Duy	29/05/2005	Nam	087205000675		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	8.4	Địa lí	8.4	19.5	36.53	1	Trúng tuyển	
60	TDS.01.0133	Nguyễn Thành Duy	06/02/2005	Nam	080205003443		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	8.0	Địa lí	9.5	18	35.73	1	Trúng tuyển	
61	TDS.01.0136	Trần Khánh Duy	26/06/2003	Nam	087203002019		3	406	YSHTD TT	Năng khiếu chung	T06	Toán	6.9	Địa lí	8.4	18.5	33.80	1	Trúng tuyển	
62	TDS.01.0135	Trần Bảo Duy	16/04/2005	Nam	091205001206		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	7.0	Vật lí	7.0	18	32.47	2	Trúng tuyển	
63	TDS.01.0122	Lê Đình Duy	04/01/2005	Nam	070205005036		1	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	7.3	Vật lí	8.6	18	34.41	9	Trượt	
64	TDS.01.0123	Nguyễn Vũ Duy	10/03/2005	Nam	089205010250		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	6.7	Sinh học	9.2	16	32.10	1	Trúng tuyển	
65	TDS.01.0127	Dương Tấn Duy	25/01/2005	Nam	079205002857		3	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	7.6	18.5	32.70	1	Trúng tuyển	
66	TDS.01.0134	Trần Đức Duy	07/03/2005	Nam	082205002611		2NT	406	GDTC	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	8.0	19	33.90	1	Trượt	

TÒNG
 HỘI
 THỂ
 NH PH
 HÍ MI

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	ĐT UT	KV UT	Mã PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Tổng điểm	NV đăng ký	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
67	TDS.01.0140	Nguyễn Đại Dương	24/11/2005	Nam	051205011585		3	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	9.2	18	33.70	7	Trượt	
68	TDS.01.1134	Trần Nữ Triều Dương	01/03/2005	Nữ	060305008279		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	7.4	14.5	29.00	1	Trúng tuyển	
69	TDS.01.1155	Trương Văn Đại Dương	25/06/2005	Nam	075205016489		2NT	406	HLTT	Điền kinh	T06	Toán	7.0	Địa lí	8.2	19.5	35.04		Trượt	Không ĐKNV
70	TDS.01.0141	Trần Quang Đại	09/10/2004	Nam	060204003037		1	406	HLTT	Thể dục	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.0	18	34.41	2	Trúng tuyển	
71	TDS.01.0142	Nguyễn Đức Đại	11/01/2005	Nam	056205004934		2	406	GDTC	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.9	GDCD	9.2	17.5	34.74	1	Trượt	
72	TDS.01.0143	Lê Nguyễn Dương Đăng	29/04/2005	Nam	083205010084		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	9.2	15	32.38	1	Trúng tuyển	
73	TDS.01.0145	Trương Tiến Đạt	09/09/2004	Nam	096204008800		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	8.1	Vật lí	7.5	18.5	34.44	1	Trúng tuyển	
74	TDS.01.0150	Phạm Văn Đạt	08/12/2005	Nam	089205019311		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.5	Địa lí	7.9	19.5	34.29	1	Trúng tuyển	
75	TDS.01.0147	Nguyễn Tấn Đạt	16/10/2003	Nam	083203006398		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.6	GDCD	8.7	18	34.61	1	Trúng tuyển	
76	TDS.01.0160	Trần Hải Đạt	06/04/2003	Nam	075203003076		3	406	HLTT	Cờ vua	T04	Toán	6.5	Vật lí	7.9	19	33.40	1	Trúng tuyển	
77	TDS.01.0144	Nguyễn Tiến Đạt	01/12/2005	Nam	079205033526		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	8.5	18.5	34.30	1	Trúng tuyển	
78	TDS.01.0167	Vũ Đức Đạt	17/05/2005	Nam	067205004341		2NT	406	QLTDTT	Bóng đá	T04	Toán	7.0	Vật lí	8.6	15	31.06	1	Trúng tuyển	
79	TDS.01.0171	Nguyễn Ngọc Đạt	28/02/2005	Nam	051205009132		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	7.1	Địa lí	7.2	18	32.75	3	Trượt	
80	TDS.01.0165	Vương Huỳnh Đạt	25/03/2004	Nam	096204010385		1	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	9.2	Vật lí	8.9	17	35.44	2	Trúng tuyển	
81	TDS.01.0158	Văn Công Đạt	04/09/2005	Nam	093205000238		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.7	GDCD	7.5	18	32.65	2	Trượt	
82	TDS.01.0176	Trần Đỗ Thành Đạt	01/01/2005	Nam	075205017356		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.7	18.5	34.56	1	Trúng tuyển	
83	TDS.01.0173	Trương Tiến Đạt	17/12/2005	Nam	067205003752		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	7.9	Vật lí	7.1	18.5	33.69	10	Trúng tuyển	
84	TDS.01.0149	Trương Tuấn Đạt	14/04/2005	Nam	066205005453	06a	2	406	HLTT	Bóng rổ	T06	Toán	7.4	Địa lí	8.7	18	34.92	1	Trúng tuyển	
85	TDS.01.0164	Trần Thành Đạt	29/07/2005	Nam	074205000842		3	406	HLTT	Bóng rổ	T00	Toán	8.6	Sinh học	9.5	17.5	35.60	1	Trúng tuyển	
86	TDS.01.0148	Lê Tuấn Đạt	31/01/2005	Nam	075205011373		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.8	GDCD	8.8	18	34.89	1	Trúng tuyển	
87	TDS.01.0152	Trần Quang Đạt	20/12/2005	Nam	068205008584		2	406	GDTC	Bóng bàn	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.6	20	36.42	1	Trúng tuyển	
88	TDS.01.0180	Hồ Khánh Đăng	12/04/2005	Nam	083205008124		2NT	406	GDTC	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.7	GDCD	8.6	16.5	32.23	1	Trượt	
89	TDS.01.0179	Nguyễn Lý Hải Đăng	18/04/2005	Nam	052205002760		2	405	HLTT	Bơi lội	T05	Ngữ văn	6.25	GDCD	9.25	19.5	35.07	1	Trúng tuyển	
90	TDS.01.0183	Bùi Khánh Đăng	19/11/2005	Nam	072205010820		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.5	Địa lí	7.7	17.5	33.87	1	Trúng tuyển	
91	TDS.01.0181	Vũ Đức Minh Đăng	26/04/2005	Nam	075205006994		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.0	GDCD	7.9	17.5	31.89	1	Trúng tuyển	
92	TDS.01.0182	Nguyễn Võ Thế Đăng	12/10/2005	Nam	074205000994		2	405	HLTT	Bơi lội	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	9.25	18.5	35.07	1	Trúng tuyển	
93	TDS.01.0185	Lê Phạm Hải Đăng	03/12/2004	Nam	075204019389		2NT	406	HLTT	Bơi lội	T00	Toán	7.4	Sinh học	7.8	18.5	34.07		Trượt	Không ĐKNV
94	TDS.01.0187	Nguyễn Hưng Điền	05/07/2005	Nam	080205006445		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.5	Sinh học	9.2	16	33.05	1	Trúng tuyển	
95	TDS.01.0188	Đèo Đức Minh Điền	11/02/2005	Nam	068205000891	01	1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.4	Địa lí	8.6	17.5	35.43	1	Trúng tuyển	
96	TDS.01.0186	Nguyễn Hữu Điền	07/07/2005	Nam	077205010622		2NT	406	HLTT	Điền kinh	T06	Toán	7.3	Địa lí	8.1	19	34.74		Trượt	Không ĐKNV
97	TDS.01.0189	Ngô Thị Đình Đình	08/08/2003	Nữ	056303011875		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	5.0	Địa lí	8.4	14	27.65	1	Trúng tuyển	
98	TDS.01.0190	Võ Mạnh Đình	17/04/2005	Nam	096205006134		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.8	Địa lí	8.9	14	31.12	1	Trúng tuyển	
99	TDS.01.0191	Tô Da Rơ Giang K ' Đoàn	17/08/2004	Nam	068204005625	01	1	406	GDTC	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	5.1	GDCD	7.7	18.5	34.05	1	Trượt	
100	TDS.01.0202	Huỳnh Minh Đức	04/10/1997	Nam	079097017026		3	406	HLTT	Thể dục	T06	Toán	6.4	Địa lí	8.0	16	30.40	2	Trúng tuyển	
101	TDS.01.0203	Nguyễn Trọng Đức	13/03/2005	Nam	040205007125		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.8	Địa lí	7.3	19.5	33.81		Trượt	Không ĐKNV
102	TDS.01.0199	Phạm Nguyễn Đức	15/05/2005	Nam	096205009370		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.8	Địa lí	8.5	15	31.71	1	Trúng tuyển	
103	TDS.01.0206	Phạm Quỳnh Giang	04/03/2002	Nữ	080302000003		3	406	HLTT	Điền kinh	T00	Toán	7.9	Sinh học	8.5	20	36.40	1	Trúng tuyển	

140
THAO
HỘI

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	ĐT UT	KV UT	Mã PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Tổng điểm	NV đăng ký	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
104	TDS.01.0208	Đàm Thiết Giáp	26/08/2005	Nam	068205001316		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.3	Địa lí	7.3	18	33.24	1	Trúng tuyển	
105	TDS.01.0210	Danh Giàu	13/09/2005	Nam	095205003240	01	1	406	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	6.1	GDCD	7.4	19.5	35.48	1	Trúng tuyển	
106	TDS.01.0209	Lê Quốc Giàu	13/12/2004	Nam	079204035772		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.5	Địa lí	8.5	15	30.25	1	Trúng tuyển	
107	TDS.01.0211	Nguyễn Lê Minh Giàu	02/06/2005	Nam	075205001610		2NT	406	GDTC	Năng khiếu chung	T00	Toán	6.7	Sinh học	7.1	18	32.28	2	Trượt	
108	TDS.01.0212	Dương Nguyễn Thiên Hải	20/02/2005	Nam	068205001116		2	405	HLTT	Bóng bàn	T05	Ngữ văn	8.75	GDCD	8.75	20	37.48	1	Trúng tuyển	
109	TDS.01.0218	Cù Quốc Hào	02/05/2005	Nam	079205015437		3	406	HLTT	Bóng rổ	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.9	18.5	35.10	1	Trúng tuyển	
110	TDS.01.0219	Huỳnh Anh Hào	02/06/2005	Nam	089205002113		2	406	HLTT	Bơi lội	T00	Toán	9.2	Sinh học	9.3	19.5	38.06	1	Trúng tuyển	
111	TDS.01.1136	Phan Văn Hào	01/01/2003	Nam	089203017735		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.3	Địa lí	8.8	14	30.33	1	Trúng tuyển	
112	TDS.01.1145	Nguyễn Anh Hào	02/07/2005	Nam	070205009467		1	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.1	14.5	30.73	1	Trúng tuyển	
113	TDS.01.0215	Huỳnh Anh Hào	07/09/2005	Nam	072205013528		2NT	406	GDTC	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	8.3	16.5	32.14		Trượt	Không ĐKNV
114	TDS.01.0221	Nguyễn Ngọc Hân	30/08/2005	Nữ	082305008167		2NT	406	GDTC	Bóng chuyền	T06	Toán	8.3	Địa lí	6.3	18.5	33.51	1	Trượt	
115	TDS.01.0223	Nguyễn Ngọc Hân	13/01/2004	Nữ	086304007616		2	406	GDTC	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	6.0	GDCD	8.2	20	34.39	2	Trượt	
116	TDS.01.0220	Lâm Gia Hân	14/01/2004	Nữ	079304018456		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	9.6	Vật lí	9.7	18	37.36	1	Trúng tuyển	
117	TDS.01.0228	Nguyễn Trung Hậu	14/03/2005	Nam	087205005257		2	406	HLTT	Thế dục	T00	Toán	7.0	Sinh học	7.3	16	30.55	1	Trúng tuyển	
118	TDS.01.0230	Nguyễn Chí Hậu	18/09/2005	Nam	052205012474		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.8	GDCD	8.0	17.5	32.73		Trượt	Không ĐKNV
119	TDS.01.0227	Hoàng Đức Hậu	17/04/2005	Nam	046205000059		3	406	GDTC	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	8.8	19.5	35.30	2	Trượt	
120	TDS.01.0232	Huỳnh Công Hậu	04/01/2005	Nam	089205013105		2	406	HLTT	Bơi lội	T00	Toán	7.3	Sinh học	7.8	18.5	33.79	1	Trúng tuyển	
121	TDS.01.0231	Lê Quang Hậu	25/03/2005	Nam	070205007148		2NT	406	GDTC	Bóng chuyền	T06	Toán	6.9	Địa lí	7.0	18.5	32.86	1	Trượt	
122	TDS.01.0229	Lê Công Hậu	16/03/2005	Nam	080205004242		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	8.8	17.5	33.57		Trượt	Không ĐKNV
123	TDS.01.0239	Nguyễn Thanh Hiền	28/07/2005	Nam	066205020123		2	406	GDTC	Võ thuật	T06	Toán	7.3	Địa lí	7.0	18	32.52	2	Trượt	
124	TDS.01.0240	Nguyễn Chí Hiệp	05/03/2005	Nam	082205008294		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.8	16.5	33.72	2	Trúng tuyển	
125	TDS.01.0242	Hứa Phạm Hòa Hiệp	08/11/2000	Nam	049200000012		3	406	HLTT	Quần vợt	T04	Toán	8.8	Vật lí	9.0	17.5	35.30	1	Trúng tuyển	
126	TDS.01.0256	Cao Chí Hiếu	12/12/2004	Nam	075204015505		3	406	HLTT	Bơi lội	T04	Toán	8.2	Vật lí	8.7	19.5	36.40	1	Trúng tuyển	
127	TDS.01.0247	Trương Minh Hiếu	20/07/2005	Nam	054205000667		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T04	Toán	7.5	Vật lí	8.5	19	35.30	3	Trúng tuyển	
128	TDS.01.0252	Nguyễn Trung Hiếu	14/08/2005	Nam	001205012888		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.3	Sinh học	6.9	19.5	35.04	1	Trúng tuyển	
129	TDS.01.0246	Nguyễn Trung Hiếu	29/10/2005	Nam	080205001912		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	8.0	18	33.87	1	Trúng tuyển	
130	TDS.01.1138	Đào Thị Xuân Hiếu	25/02/2005	Nữ	049305001380		2NT	406	HLTT	Thế dục	T04	Toán	9.0	Vật lí	9.2	17	35.42	2	Trúng tuyển	
131	TDS.01.0245	Lê Minh Hiếu	21/08/2005	Nam	095205000162		1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	8.1	16	31.70	2	Trúng tuyển	
132	TDS.01.0251	Đỗ Minh Hiếu	08/07/2005	Nam	068205013936		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	6.7	Địa lí	8.3	18	33.60	1	Trúng tuyển	
133	TDS.01.0259	Mai Đức Hiệu	29/04/2005	Nam	034205009234		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.7	GDCD	9.0	18.5	35.47	1	Trúng tuyển	
134	TDS.01.0261	Võ Thị Tuyết Hoa	08/10/2003	Nữ	075303022618		3	406	HLTT	Bơi lội	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	7.9	20	35.00	1	Trúng tuyển	
135	TDS.01.0264	Trương Văn Hòa	04/04/2005	Nam	083205000563		1	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	8.5	Vật lí	9.0	18	35.85	1	Trúng tuyển	
136	TDS.01.0266	Trần Lộc Hòa	01/03/2005	Nam	083205009759		1	406	GDTC	Bóng chuyền	T06	Toán	7.4	Địa lí	8.7	17.5	34.12	1	Trượt	
137	TDS.01.0265	Nguyễn Hữu Hòa	12/03/2005	Nam	051205001096		2	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	5.0	GDCD	6.8	18	30.05	1	Trúng tuyển	
138	TDS.01.0272	Nguyễn Xuân Hoàng	27/06/2005	Nam	024205000021		3	406	QLTDTT	Bóng đá	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.4	19	35.00	1	Trúng tuyển	
139	TDS.01.0274	Nguyễn Việt Hoàng	16/04/2005	Nam	037205002766		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	9.5	18	35.00	1	Trúng tuyển	
140	TDS.01.0276	Đinh Đăng Hoàng	29/07/2005	Nam	068205001285		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.0	Địa lí	6.9	17	30.40	2	Trúng tuyển	

140 DU

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	ĐT UT	KV UT	Mã PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Tổng điểm	NV đăng ký	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
141	TDS.01.0280	Đặng Minh Hoàng	20/10/2005	Nam	080205011756		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	5.2	GDCD	9.3	15	30.00	1	Trúng tuyển	
142	TDS.01.0270	Phạm Huy Hoàng	26/08/2004	Nam	079204025534		2	406	GDCD	Bóng đá	T00	Toán	8.2	Sinh học	9.4	19	36.70	1	Trúng tuyển	
143	TDS.01.0271	Hồ Phi Hoàng	18/10/2005	Nam	079205007173		3	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.9	GDCD	8.5	18.5	34.90	6	Trượt	
144	TDS.01.1144	Mai Gia Hoàng	06/10/2005	Nam	075205009801		2NT	406	GDCD	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	7.6	12.5	27.20	2	Trượt	
145	TDS.01.0281	Nguyễn Phi Học	22/04/2005	Nam	083205011490		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.7	GDCD	8.9	18	34.89	1	Trúng tuyển	
146	TDS.01.0282	Nguyễn Kiên Hồ	04/01/2005	Nam	079205000079	06a	3	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	6.9	Vật lí	6.3	11.5	25.70	2	Trúng tuyển	
147	TDS.01.0283	Trương Đình Hồng	10/12/2005	Nam	051205004209		1	405	HLTT	Bơi lội	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	9.0	19.5	35.85	1	Trúng tuyển	
148	TDS.01.0284	Phạm Xuân Hồng	19/04/2000	Nam	030200014439		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	6.4	Địa lí	6.9	17.5	30.80	1	Trúng tuyển	
149	TDS.01.0286	Nguyễn Đức Huân	21/08/2005	Nam	079205030352		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	5.3	GDCD	8.6	17	30.90	1	Trúng tuyển	
150	TDS.01.0288	Lê Gia Huân	30/06/2005	Nam	079205008771		3	406	HLTT	Thế dục	T06	Toán	7.8	Địa lí	8.5	19	35.30	3	Trượt	
151	TDS.01.0289	Đinh Mạnh Hùng	09/04/2005	Nam	062205005686	01	1	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	5.75	GDCD	9	18.5	35.63	1	Trúng tuyển	
152	TDS.01.0290	Đinh Phạm Mạnh Hùng	18/07/2005	Nam	067205004859		1	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.0	Sinh học	7.5	19	34.10	2	Trúng tuyển	
153	TDS.01.0296	Nguyễn Quang Huy	07/01/2000	Nam	079200009202		3	406	YSHTDTT	Bóng rổ	T00	Toán	8.8	Sinh học	8.3	16.5	33.60	1	Trúng tuyển	
154	TDS.01.0317	Lê Quốc Huy	13/10/2005	Nam	080205013416		2NT	406	HLTT	Điền kinh	T00	Toán	6.8	Sinh học	8.6	18.5	34.26	1	Trúng tuyển	
155	TDS.01.0300	Nguyễn Đình Huy	13/04/2005	Nam	067205001887		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.4	Địa lí	8.7	17.5	32.81	1	Trúng tuyển	
156	TDS.01.0335	Trần Cao Huy	30/06/2005	Nam	079205004178	06a	3	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T00	Toán	6.6	Sinh học	8.0	16.5	32.05	1	Trúng tuyển	
157	TDS.01.0310	Châu Ngọc Huy	31/03/2005	Nam	095205006523		1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.2	GDCD	8.3	17	32.20	1	Trúng tuyển	
158	TDS.01.0336	Ngô Nhật Huy	29/07/2005	Nam	075205007978		2	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	9.75	19.5	35.79	1	Trúng tuyển	
159	TDS.01.0326	Huỳnh Gia Huy	19/12/2005	Nam	079205042056		1	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	8.6	Vật lí	8.4	14.5	32.08		Trượt	Không ĐKNV
160	TDS.01.0323	Lê Văn Huy	26/09/2005	Nam	075205014482		2	406	GDCD	Điền kinh	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	8.6	18	33.78	1	Trượt	
161	TDS.01.0341	Phan Gia Huy	12/06/2005	Nam	079205017837		3	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	6.4	Sinh học	8.1	20	34.50	1	Trúng tuyển	
162	TDS.01.0294	Võ Nguyễn Gia Huy	03/10/2005	Nam	079205031259		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	7.8	Địa lí	8.3	18	34.43	1	Trúng tuyển	
163	TDS.01.0305	Tổng Phước Huy	25/07/2005	Nam	092205004659		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	9.0	Địa lí	9.3	16.5	34.92	1	Trúng tuyển	
164	TDS.01.0303	Võ Nhật Huy	04/07/2005	Nam	079205024204		3	406	HLTT	Bóng rổ	T00	Toán	7.0	Sinh học	8.0	17	32.00	1	Trúng tuyển	
165	TDS.01.0331	Trần Nguyễn Quốc Huy	18/03/2005	Nam	054205001300		2	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	9.2	18	34.36	1	Trúng tuyển	
166	TDS.01.0338	Bùi Đức Huy	10/06/2005	Nam	097205030792		3	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.1	Sinh học	8.2	18	33.30		Trượt	Không ĐKNV
167	TDS.01.0332	Đỗ Minh Huy	13/11/2004	Nam	079204016467		3	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	7.4	GDCD	8.4	16.5	32.30	1	Trúng tuyển	
168	TDS.01.0344	Phan Huỳnh Gia Huy	27/08/2004	Nam	079204016035		3	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	7.8	16	30.90	1	Trúng tuyển	
169	TDS.01.0301	Nguyễn Huy	04/01/2005	Nam	075205023299		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.7	GDCD	9.6	16	33.61	1	Trúng tuyển	
170	TDS.01.0320	Cao Đình Huy	09/09/2005	Nam	084205002021		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	8.2	Sinh học	9.2	18	35.76	1	Trúng tuyển	
171	TDS.01.0322	Lê Minh Huy	07/03/2005	Nam	074205010474		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	6.5	Sinh học	7.6	18.5	32.82	1	Trúng tuyển	
172	TDS.01.0314	Lê Đức Huy	05/12/2005	Nam	079205010471		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.6	Địa lí	9.1	19.5	35.20	1	Trúng tuyển	
173	TDS.01.0345	Đoàn Minh Huy	12/02/2005	Nam	079205004507		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.5	Địa lí	7.7	19	33.41	1	Trúng tuyển	
174	TDS.01.0306	Nguyễn Như Huy	27/11/2005	Nam	075205013920		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.7	Địa lí	8.2	19	36.02	1	Trúng tuyển	
175	TDS.01.0337	Lê Nhật Huy	12/02/2005	Nam	096205007958		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.3	19	35.27	1	Trúng tuyển	
176	TDS.01.0324	Võ Lê Nhật Huy	08/12/2005	Nam	082205005907		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.6	18.5	35.79	1	Trúng tuyển	
177	TDS.01.0325	Bùi Quốc Huy	09/08/2004	Nam	079204033200		2	406	HLTT	Điền kinh	T06	Toán	6.9	Địa lí	9.2	19	35.25	2	Trúng tuyển	



16

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	ĐT UT	KV UT	Mã PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Tổng điểm	NV đăng ký	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
178	TDS.01.1152	Lê Quốc Huy	26/04/2005	Nam	049205010241		3	406	HLTT	Điện kinh	T00	Toán	8.7	Sinh học	9.0	20	37.70		Trượt	Không ĐKNV
179	TDS.01.0339	Nguyễn Đỗ Hoàng Huy	03/05/2004	Nam	068204006649		1	406	QLTDTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	8.6	19	35.00	1	Trúng tuyển	
180	TDS.01.0297	Trần Quang Huy	21/01/2005	Nam	052205013641		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.0	Địa lí	8.1	16	31.56	1	Trúng tuyển	
181	TDS.01.0313	Lê Minh Huy	12/09/2005	Nam	062205005151		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.0	Địa lí	6.8	17.5	32.05	3	Trúng tuyển	
182	TDS.01.0328	Võ Lâm Huy	21/08/2005	Nam	052205012555		2	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	9.25	18	34.83	1	Trúng tuyển	
183	TDS.01.0334	Nguyễn Nhật Huy	30/04/2005	Nam	091205004931		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán		Sinh học		17.5	17.75		Trượt	Không ĐKNV
184	TDS.01.0346	Lưu Thị Bích Huyền	30/12/2005	Nữ	075305018895		3	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	8.1	Địa lí	9.2	15	32.30	2	Trượt	
185	TDS.01.0347	Lê Minh Huyền	27/08/2004	Nữ	054304001742		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.9	Địa lí	8.9	17.5	35.65	1	Trúng tuyển	
186	TDS.01.0348	Nguyễn Trọng Huỳnh	17/11/2004	Nam	095204005895		1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	7.9	19	34.55		Trượt	Không ĐKNV
187	TDS.01.0349	Nguyễn Thị Như Huỳnh	16/11/2005	Nữ	083305005411		1	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	8.2	Địa lí	7.8	18	34.50	1	Trúng tuyển	
188	TDS.01.0350	Lưu Gia Hưng	18/12/2005	Nam	094205010643	01	1	406	HLTT	Bóng rổ	T00	Toán	7.1	Sinh học	8.4	16.5	34.29	1	Trúng tuyển	
189	TDS.01.0355	Lê Thị Thu Hương	22/04/2005	Nữ	070305000850		2	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	7.7	Vật lí	8.1	20	35.94	1	Trúng tuyển	
190	TDS.01.0356	Đặng Minh Hy	02/01/2005	Nam	058205000344		2NT	405	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	9	19	35.47	1	Trúng tuyển	
191	TDS.01.0358	Cao Hoàng Kiểm	07/07/2005	Nam	084205000868		1	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	9.25	19	35.90	2	Trượt	
192	TDS.01.0359	Trần Kim Hoàng Kiểm	26/06/2002	Nam	083202000693		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.7	GDCD	8.5	18	34.52	1	Trúng tuyển	
193	TDS.01.0360	Phan Trung Kiên	24/11/2005	Nam	079205014108		3	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	6.6	Sinh học	8.0	19	33.60	2	Trúng tuyển	
194	TDS.01.1154	Nguyễn Chí Kiên	05/09/2005	Nam	062205005467		3	406	HLTT	Điện kinh		FALSE		FALSE		20	20.00		Trượt	Không ĐKNV
195	TDS.01.0362	Nguyễn Hoàng Gia Kiệt	11/02/2004	Nam	075204001309		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.1	Sinh học	9.0	19	36.21	1	Trúng tuyển	
196	TDS.01.0367	Trương Tuấn Kiệt	19/01/2005	Nam	079205017709		3	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	8.3	Sinh học	9.0	18	35.30	3	Trúng tuyển	
197	TDS.01.0368	Lê Tấn Kiệt	18/07/2005	Nam	052205002192		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.6	GDCD	8.6	19	35.34	1	Trúng tuyển	
198	TDS.01.0371	Trần Lê Anh Kiệt	11/10/2005	Nam	079205011538		2	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T04	Toán	6.3	Vật lí	8.2	17	31.73	3	Trúng tuyển	
199	TDS.01.0363	Huỳnh Anh Kiệt	07/09/2005	Nam	072205006787		2NT	406	GDTC	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	6.8	GDCD	7.9	16.5	31.67		Trượt	Không ĐKNV
200	TDS.01.0365	Bùi Gia Kiệt	24/11/2005	Nam	075205022188		2NT	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T00	Toán	7.5	Sinh học	7.5	17	32.43	3	Trúng tuyển	
201	TDS.01.0366	Võ Anh Kiệt	30/12/2005	Nam	089205001590		2	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T03	Ngữ văn	8.0	Sinh học	8.1	18	34.26		Trượt	Không ĐKNV
202	TDS.01.0374	Ngô Vĩnh Kỳ	28/06/2005	Nam	054205007216		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.8	Địa lí	9.5	12.5	30.23	1	Trúng tuyển	
203	TDS.01.0375	Lê Văn Kỳ	13/12/2004	Nam	038204006018		3	406	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	7.9	17.5	32.50	1	Trúng tuyển	
204	TDS.01.0382	Nguyễn Hoàng Kha	24/10/2005	Nam	083205004269		2NT	406	QLTDTT	Bóng đá	T06	Toán	8.8	Địa lí	8.7	17.5	35.25		Trượt	Không ĐKNV
205	TDS.01.0383	Nguyễn Anh Kha	24/07/2005	Nam	052205017076		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.0	Sinh học	8.0	17	33.18	3	Trúng tuyển	
206	TDS.01.0380	Võ Minh Kha	05/08/2005	Nam	082205005242		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.4	13	29.40		Trượt	Không ĐKNV
207	TDS.01.0379	Đoàn Vũ Kha	29/05/2005	Nam	062205002828		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.4	Địa lí	7.8	16	32.78	3	Trúng tuyển	
208	TDS.01.0381	Nguyễn Hoàng Duy Kha	12/10/2005	Nam	082205013205		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	7.4	Địa lí	7.1	17.5	32.45	1	Trúng tuyển	
209	TDS.01.1139	Lê Hoàng Kha	27/04/2005	Nam	052205002149		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.2	Địa lí	7.8	16	31.70	2	Trúng tuyển	
210	TDS.01.0377	Nguyễn Minh Kha	18/03/2005	Nam	082205002262		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	8.5	18.5	35.14	1	Trúng tuyển	
211	TDS.01.0378	Đỗ Hoài Kha	25/10/2005	Nam	080205000825		2NT	406	GDTC	Bóng chuyền	T06	Toán	8.4	Địa lí	8.9	17.5	35.06	1	Trúng tuyển	
212	TDS.01.0384	Trần Văn Khá	12/02/2005	Nam	091205000969		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.1	Địa lí	8.8	13	29.40	1	Trúng tuyển	
213	TDS.01.0385	Phan Quang Khải	30/04/2002	Nam	089202015875		3	406	HLTT	Bóng rổ	T04	Toán	8.6	Vật lí	8.8	16.5	33.90	1	Trúng tuyển	
214	TDS.01.0386	Lê Quang Khải	30/08/2005	Nam	087205004260		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.0	18.5	34.37	1	Trúng tuyển	

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	ĐT UT	KV UT	Mã PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Tổng điểm	NV đăng ký	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
215	TDS.01.0389	Nguyễn Việt Khải	09/08/2004	Nam	096204002952		3	406	HLTT	Điền kinh	T04	Toán	7.0	Vật lí	8.8	20	35.80	1	Trúng tuyển	
216	TDS.01.0388	Dương Việt Khải	29/01/2004	Nam	096204008368		1	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.7	Sinh học	8.0	16.5	32.81	1	Trúng tuyển	
217	TDS.01.0400	Nguyễn Minh Khang	01/05/2004	Nam	058204006802		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.3	Địa lí	8.2	18.5	34.35	1	Trúng tuyển	
218	TDS.01.0395	Trần Minh Khang	13/06/2005	Nam	084205000256		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.9	15	32.01	1	Trúng tuyển	
219	TDS.01.0394	Lê Đỗ Gia Khang	27/12/2005	Nam	075205000262		3	406	HLTT	Bơi lội	T00	Toán	7.9	Sinh học	8.7	20	36.60	1	Trúng tuyển	
220	TDS.01.0398	Trần Trương Duy Khang	30/01/2005	Nam	086205010567		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	4.5	GDCD	8.8	19	32.54	1	Trúng tuyển	
221	TDS.01.1147	Nguyễn Minh Khang	13/05/2005	Nam	051205012279		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.8	GDCD	7.6	14.5	29.15	1	Trúng tuyển	
222	TDS.01.0392	Bùi Vĩnh Khang	06/01/2005	Nam	087205006640		2NT	406	HLTT	Điền kinh	T05	Ngữ văn	8.3	GDCD	8.4	18.5	35.47	1	Trúng tuyển	
223	TDS.01.0401	Trần Hoàng Khang	28/06/2005	Nam	079205013182		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	7.4	19	33.70	1	Trúng tuyển	
224	TDS.01.0408	Đặng Lâm Hoài Khanh	23/08/2005	Nam	060205006546	01	2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.3	GDCD	7.9	18.5	34.88	2	Trúng tuyển	
225	TDS.01.0407	Lâm Chí Khanh	27/09/2005	Nam	080205007367		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	9.0	Vật lí	8.6	14	31.96	1	Trúng tuyển	
226	TDS.01.0411	Võ Hoàng Khanh	14/02/2005	Nam	068205003900		1	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	8.0	19.5	35.18	1	Trúng tuyển	
227	TDS.01.0416	Phan Văn Khánh	18/03/2005	Nam	045205000542		2	406	GDTC	Điền kinh	T04	Toán	7.6	Vật lí	7.6	18	33.39	1	Trượt	
228	TDS.01.0418	Phùng Tấn Khánh	13/03/2005	Nam	056205001178		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	5.9	Địa lí	7.9	16.5	31.05	1	Trúng tuyển	
229	TDS.01.0420	K' Khăng	15/04/2005	Nam	068205011691	01	1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.0	Địa lí	7.1	18	33.85	1	Trúng tuyển	
230	TDS.01.1142	Lê Gia Khiêm	18/09/2005	Nam	079205014842		3	406	QLTDTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	9.0	16	31.50	2	Trúng tuyển	
231	TDS.01.0422	Bùi Vạn Anh Khoa	07/06/2004	Nam	051204010413		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.9	Địa lí	7.7	19.5	35.41	1	Trúng tuyển	
232	TDS.01.0426	Phạm Ngọc Khoa	20/09/2005	Nam	051205000096		3	406	GDTC	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	9.3	20	36.60	1	Trúng tuyển	
233	TDS.01.0432	Trần Đăng Khoa	10/07/2005	Nam	072205005674		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	8.2	17	32.41	1	Trúng tuyển	
234	TDS.01.0430	Nguyễn Anh Khoa	31/12/2005	Nam	060205008840		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.6	Địa lí	7.9	19.5	35.16	2	Trượt	
235	TDS.01.0427	Phạm Xuân Khoa	08/05/2004	Nam	079204014461		3	406	HLTT	Cờ vua	T06	Toán	8.6	Địa lí	8.7	17	34.30	1	Trúng tuyển	
236	TDS.01.0433	Dương Mai Anh Khoa	24/10/2005	Nam	079205024052		3	406	HLTT	Điền kinh	T05	Ngữ văn	7.8	GDCD	8.2	15	31.00	3	Trúng tuyển	
237	TDS.01.0434	Đỗ Bá Minh Khoa	24/11/2005	Nam	079205008589		3	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	8.3	GDCD	9.3	18.5	36.10		Trượt	Không ĐKNV
238	TDS.01.0431	Lý Nguyễn Đăng Khoa	15/03/2005	Nam	094205006895	01	1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.4	GDCD	8.1	19.5	36.11	1	Trúng tuyển	
239	TDS.01.0424	Nguyễn Anh Khoa	18/12/2005	Nam	079205010424		3	406	GDTC	Năng khiếu chung	T00	Toán	5.9	Sinh học	7.6	16.5	30.00	1	Trượt	
240	TDS.01.0429	Nguyễn Đăng Khoa	24/11/2005	Nam	072205012378		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	7.5	19	33.31	1	Trúng tuyển	
241	TDS.01.0436	Huỳnh Đặng Minh Khôi	20/09/2005	Nam	060205002281		2	405	HLTT	Điền kinh	T05	Ngữ văn	6.75	GDCD	8.75	19.5	35.07	1	Trúng tuyển	
242	TDS.01.0441	Bùi Lê Khôi	02/10/2004	Nam	079204017195		3	406	HLTT	Điền kinh	T06	Toán	7.2	Địa lí	7.3	19	33.50	1	Trúng tuyển	
243	TDS.01.0442	Nguyễn Anh Khôi	26/05/2005	Nam	094205010838		1	406	HLTT	Bóng rổ	T06	Toán	8.1	Địa lí	8.8	19	36.26		Trượt	Không ĐKNV
244	TDS.01.0447	Lê Văn Lai	09/12/2005	Nam	082205009012		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	6.1	Sinh học	8.8	17	32.34	1	Trúng tuyển	
245	TDS.01.0448	Nguyễn Trần Hồng Lâm	01/08/2005	Nam	089205015591		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.8	Địa lí	8.6	18.5	34.08	1	Trúng tuyển	
246	TDS.01.0450	Hồ Trí Lâm	10/12/2005	Nam	074205000715		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.9	Địa lí	7.5	15.5	30.15	1	Trúng tuyển	
247	TDS.01.0453	Đặng Lê Phước Lập	21/01/2005	Nam	072205001431		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	5.9	Vật lí	6.5	18.5	31.15	1	Trúng tuyển	
248	TDS.01.0454	Trần Nguyễn Hà Lê	29/07/2005	Nữ	077305004574		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.2	Địa lí	7.9	15	29.35	2	Trúng tuyển	
249	TDS.01.0455	Phan Nguyễn Hoàng Lê	12/11/2005	Nam	075205015296		2	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T00	Toán	7.9	Sinh học	8.9	18	34.94	1	Trúng tuyển	
250	TDS.01.0457	Nguyễn Văn Liêm	22/02/2005	Nam	052205007693		2	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	8.5	19	35.07	1	Trúng tuyển	
251	TDS.01.0458	Huỳnh Thành Liêm	01/04/2005	Nam	083205012126		1	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.8	GDCD	8.6	13	30.11	1	Trúng tuyển	

HAO
Q
H
LICH

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	ĐT UT	KV UT	Mã PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Tổng điểm	NV đăng ký	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
252	TDS.01.0456	Nguyễn Văn Liêm	17/07/2005	Nam	086205001120		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.6	Sinh học	8.8	13	29.87	2	Trượt	
253	TDS.01.0459	Nguyễn Thị Bích Liên	08/10/2005	Nữ	049305003427		2	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.1	GDCD	7.8	18	32.14	1	Trúng tuyển	
254	TDS.01.0469	Bùi Ngọc Linh	29/06/2005	Nữ	091305000073		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.0	Địa lí	8.4	17.5	32.90	2	Trúng tuyển	
255	TDS.01.0463	Huỳnh Thị Lam Linh	09/09/2005	Nữ	082305001530		2NT	406	GDTC	Điện kinh	T06	Toán	8.0	Địa lí	8.8	15	32.18	1	Trượt	
256	TDS.01.0471	Nguyễn Ánh Kiều Loan	10/08/2005	Nữ	015305000036		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.1	Địa lí	8.3	18	34.40	2	Trượt	
257	TDS.01.0474	Huỳnh Võ Thiên Long	11/05/2005	Nam	082205014613		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.7	GDCD	7.7	16	30.90	1	Trúng tuyển	
258	TDS.01.0476	Võ Đại Thành Long	10/01/2005	Nam	084205006311		3	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	5.7	Sinh học	5.9	20	31.60	2	Trúng tuyển	
259	TDS.01.0480	Nguyễn Phạm Hoàng Long	02/09/2005	Nam	075205024632		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	8.7	13.5	28.95	1	Trúng tuyển	
260	TDS.01.0484	Châu Quốc Long	22/03/2005	Nam	079205031294		2	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	7.9	GDCD	8.2	16	32.30	4	Trúng tuyển	
261	TDS.01.0479	Phạm Phi Long	01/01/2005	Nam	064205001504		1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	8.1	18.5	33.81	3	Trượt	
262	TDS.01.0486	Nguyễn Ninh Hoàng Lộc	08/04/2005	Nam	068205007241		1	406	GDTC	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	8.7	19.5	35.93		Trượt	Không ĐKNV
263	TDS.01.0492	Phùng Tấn Lộc	26/03/2005	Nam	068205014196		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.7	Địa lí	7.1	19.5	33.95	1	Trúng tuyển	
264	TDS.01.0489	Nguyễn Thiên Lộc	20/03/2005	Nam	079205006893		3	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	7.6	GDCD	8.2	17.5	33.30	1	Trúng tuyển	
265	TDS.01.1146	Phạm Nguyễn Tấn Lộc	05/01/2005	Nam	075205009872		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.1	GDCD	8.2	19	33.51	3	Trúng tuyển	
266	TDS.01.0491	Nguyễn Minh Lộc	25/04/2005	Nam	052205014206		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.5	Địa lí	8.4	19	34.09	2	Trúng tuyển	
267	TDS.01.0494	Lê Văn Lợi	25/06/2005	Nam	095205005140		1	406	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	7.4	GDCD	8.0	19.5	35.39	2	Trúng tuyển	
268	TDS.01.0498	Nguyễn Thành Luân	21/01/2005	Nam	079205007883		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.5	Sinh học	9.3	19.5	37.38	1	Trúng tuyển	
269	TDS.01.0504	Tô Thế Lữ	11/07/2005	Nam	070205005546		1	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	6.2	Vật lí	7.7	15.5	30.15	1	Trúng tuyển	
270	TDS.01.0505	Trần Thiện Lương	06/10/2005	Nam	070205012201		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.7	Địa lí	8.8	19	35.00	1	Trúng tuyển	
271	TDS.01.0509	Nguyễn Thị Trúc Mai	20/03/1997	Nữ	086197005243		3	406	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	8.3	20	35.60	1	Trúng tuyển	
272	TDS.01.0510	Trần Thị Huỳnh Mai	21/01/2005	Nữ	068305004860		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	8.8	Vật lí	8.6	17.5	35.29	1	Trúng tuyển	
273	TDS.01.0514	Nguyễn Công Tiến Mãi	23/10/2005	Nam	054205008011		2	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.5	18	33.88	1	Trúng tuyển	
274	TDS.01.0516	Nguyễn Duy Mạnh	23/11/2005	Nam	077205005263		2NT	405	QLTDTT	Năng khiếu chung	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.25	20	35.94	1	Trúng tuyển	
275	TDS.01.0518	Ngô Minh Mẫn	29/09/2004	Nam	075204009178		1	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.8	GDCD	8.2	17	32.65	1	Trúng tuyển	
276	TDS.01.0520	Hồ Sĩ Min	22/10/2005	Nam	054205001085		2	405	HLTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	6.0	GDCD	9.25	20	35.31	1	Trúng tuyển	
277	TDS.01.0526	Đặng Hoàng Minh	18/02/2005	Nam	080205015894		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	5.9	GDCD	8.3	16.5	31.20		Trượt	Không ĐKNV
278	TDS.01.0527	Nguyễn Anh Minh	01/06/2005	Nam	079205004508		2	406	HLTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.6	20	37.00	3	Trúng tuyển	
279	TDS.01.0531	Trần Quang Minh	19/02/2005	Nam	049205000104		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.1	Địa lí	8.0	18	32.10	1	Trúng tuyển	
280	TDS.01.0532	Nguyễn An Minh	26/03/2003	Nam	054203011581		3	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	8.5	Vật lí	8.1	17	33.60	1	Trúng tuyển	
281	TDS.01.0534	Nguyễn Hiếu Minh	13/04/2005	Nam	079205025279		3	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	8.9	17.5	34.40	2	Trúng tuyển	
282	TDS.01.0525	Đỗ Thanh Minh	28/11/2005	Nam	062205000088		1	406	GDTC	Bóng đá	T00	Toán	8.8	Sinh học	9.4	19	37.43	1	Trúng tuyển	
283	TDS.01.0523	Đoàn Thanh Minh	01/10/2004	Nam	054204000077		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.9	GDCD	8.1	19	35.30	3	Trượt	
284	TDS.01.0530	Nguyễn Hoàng Minh	21/03/2005	Nam	060205000152		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.6	GDCD	8.0	19	34.76	1	Trúng tuyển	
285	TDS.01.0536	Bùi Hoàng Minh	28/08/2005	Nam	079205017071		2	406	HLTT	Thể dục	T06	Toán	8.0	Địa lí	8.6	17	33.76	1	Trúng tuyển	
286	TDS.01.0537	Nguyễn Công Minh	26/04/2004	Nam	056204006504		1	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	7.9	Sinh học	9.0	18	35.31	1	Trúng tuyển	
287	TDS.01.0528	Nguyễn Tuấn Minh	20/07/2005	Nam	058205000111		2	406	HLTT	Cầu lông	T00	Toán	6.5	Sinh học	7.2	16.5	30.45	1	Trúng tuyển	
288	TDS.01.0542	Trịnh Đức Nam	15/09/2004	Nam	038204018135		2NT	406	GDTC	Điện kinh	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	8.5	17.5	33.01		Trượt	Không ĐKNV

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	ĐT UT	KV UT	Mã PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Tổng điểm	NV đăng ký	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
289	TDS.01.0551	Huỳnh Tiễn Nam	14/07/2005	Nam	082205015773		2	406	YSHTD TT	Năng khiếu chung	T00	Toán	8.2	Sinh học	9.1	19.5	36.90	1	Trúng tuyển	
290	TDS.01.0556	Nguyễn Hữu Nhật Nam	28/03/2005	Nam	079205030353		3	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	5.2	GDCD	7.7	18.5	31.40	1	Trúng tuyển	
291	TDS.01.0550	Phạm Nguyễn Hải Nam	24/03/2005	Nam	079205011231		3	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	8.8	18	33.70	1	Trúng tuyển	
292	TDS.01.0553	Trần Nhật Nam	07/01/2005	Nam	083205009861		2NT	406	GDTC	Năng khiếu chung	T06	Toán	9.0	Địa lí	9.8	19.5	38.40	2	Trượt	
293	TDS.01.0543	Trần Thành Nam	29/08/2003	Nam	079203029873		3	406	YSHTD TT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	8.7	GDCD	9.4	17.5	35.60	1	Trúng tuyển	
294	TDS.01.0547	Nguyễn Trần Hoài Nam	25/11/2005	Nam	042205008138		2	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	8.5	19	35.15	6	Trượt	
295	TDS.01.0548	Phùng Tuệ Nam	20/02/2005	Nam	067205006279	06a	2	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.4	GDCD	8.2	18	33.67	1	Trúng tuyển	
296	TDS.01.1140	Phạm Hồ Bình Nam	02/10/2005	Nam	080205014513		2NT	406	GDTC	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	8.1	GDCD	9.3	19	36.61	1	Trúng tuyển	
297	TDS.01.0563	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	13/11/2005	Nữ	068305001228		2	405	QLTD TT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	8.5	GDCD	9.5	18.5	36.52	1	Trúng tuyển	
298	TDS.01.0565	Huỳnh Anh Bảo Nghi	08/07/2005	Nữ	084305005993		2	406	GDTC	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	8.9	GDCD	9.3	18.5	36.79	3	Trượt	
299	TDS.01.0573	Trần Nhân Nghĩa	29/05/2004	Nam	074204005462		2	406	YSHTD TT	Năng khiếu chung	T00	Toán	8.3	Sinh học	8.3	19	35.73	1	Trúng tuyển	
300	TDS.01.0572	Lương Tấn Nghĩa	17/05/2005	Nam	068205006583		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.2	Địa lí	7.3	18	33.15		Trượt	Không ĐKNV
301	TDS.01.0570	Nguyễn Gia Nghĩa	01/04/2005	Nam	054205001563		1	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	7.4	Địa lí	7.8	17.5	33.31	1	Trúng tuyển	
302	TDS.01.0574	Đỗ Minh Ngọc	24/08/2005	Nam	051205011292		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.3	Sinh học	8.4	15	30.93	1	Trúng tuyển	
303	TDS.01.0581	Phạm Thế Ngọc	19/04/2000	Nam	030200016541		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	5.6	GDCD	7.5	17.5	30.60	1	Trúng tuyển	
304	TDS.01.0578	Nguyễn Thị Kim Ngọc	01/02/2003	Nữ	082303017482		3	406	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	7.2	GDCD	8.4	19.5	35.10	1	Trúng tuyển	
305	TDS.01.0576	Bùi Thị Thái Ngọc	17/07/2005	Nữ	083305010644		1	406	HLTT	Bắn súng	T06	Toán	8.4	Địa lí	8.1	18.5	35.43	1	Trúng tuyển	
306	TDS.01.0577	Bùi Văn Ngọc	07/07/2005	Nam	070205004736		1	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	7.6	18	33.24	1	Trúng tuyển	
307	TDS.01.0592	Cao Huỳnh Nguyên	07/04/2005	Nam	060205011861		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.2	Địa lí	6.3	16	29.25	1	Trúng tuyển	
308	TDS.01.0593	Đoàn Hải Nguyên	14/12/2005	Nam	068205008966		1	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	7.7	Vật lí	8.3	19	35.45		Trượt	Không ĐKNV
309	TDS.01.0584	Nguyễn Thị Mai Nguyên	08/11/2004	Nữ	080304001785		2	406	HLTT	Bơi lội	T05	Ngữ văn	7.8	GDCD	8.9	20	36.81	2	Trúng tuyển	
310	TDS.01.0585	Trần Thanh Nguyên	01/06/2000	Nam	080200002051		3	406	YSHTD TT	Năng khiếu chung	T00	Toán	8.1	Sinh học	7.5	19	34.60	1	Trúng tuyển	
311	TDS.01.0583	Lê Văn Nguyên	10/10/2004	Nam	038204028851		3	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	8.6	Vật lí	8.7	12.5	29.80	1	Trúng tuyển	
312	TDS.01.0597	Dương Minh Nguyên	15/02/2005	Nam	082205003971		2NT	406	GDTC	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.9	GDCD	7.7	18.5	34.44	1	Trượt	
313	TDS.01.0598	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	27/02/2005	Nữ	077305001102		2	406	QLTD TT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	8.8	20	35.46		Trượt	Không ĐKNV
314	TDS.01.0601	Phạm Hữu Nhân	19/05/2004	Nam	096204006076		1	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.2	Sinh học	9.2	15.5	32.49	1	Trúng tuyển	
315	TDS.01.0610	Nguyễn Thành Nhân	11/07/2005	Nam	080205013555		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	5.5	GDCD	9.1	16.5	31.58	1	Trúng tuyển	
316	TDS.01.0608	Đặng Văn Nhân	28/08/2005	Nam	066205006518		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.4	GDCD	8.5	18.5	34.72	2	Trúng tuyển	
317	TDS.01.0600	Trần Thị Xuân Nhân	21/02/2005	Nữ	060305008333		2NT	406	QLTD TT	Năng khiếu chung	T00	Toán		Sinh học		19.5	20.00		Trượt	Không ĐKNV
318	TDS.01.0609	Phan Trần Thiện Nhân	13/09/2005	Nam	079205018358		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.1	18	33.78	2	Trúng tuyển	
319	TDS.01.0606	Nguyễn Hoàng Nhân	20/10/2004	Nam	079204012161		3	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.75	GDCD	9.5	18	35.15	1	Trúng tuyển	
320	TDS.01.0605	Trần Hiền Nhân	15/01/2005	Nam	060205000639		2NT	405	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	8.5	20	35.70	1	Trúng tuyển	
321	TDS.01.0619	Trần Hữu Phi Nhật	17/01/2005	Nam	046205010571		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.4	Địa lí	6.2	20	32.85	1	Trúng tuyển	
322	TDS.01.0620	Vũ Hoàng Minh Nhật	02/02/2005	Nam	079205015649		3	406	YSHTD TT	Năng khiếu chung	T00	Toán		Sinh học		17.5	17.50		Trượt	Không ĐKNV
323	TDS.01.0612	Lương Minh Nhật	26/08/2005	Nam	086205006947		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	8.2	Sinh học	9.6	18	36.01	1	Trúng tuyển	
324	TDS.01.0621	Trịnh Huỳnh Nhật	27/04/2005	Nam	077205000083		2	406	HLTT	Năng khiếu chung	T00	Toán	6.6	Sinh học	8.6	20	35.36	3	Trúng tuyển	
325	TDS.01.0622	Lê Hoài Hạ Nhật	27/06/2004	Nam	075204003397		1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	8.0	14.5	29.75		Trượt	Không ĐKNV



Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	ĐT UT	KV UT	Mã PT xét tuyển	Nghành trúng tuyển	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Tổng điểm	NV đăng ký	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
326	TDS.01.0618	Phạm Tấn Nhật	16/03/2004	Nam	074204001124		2	406	GDTC	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.7	GDCC	6.2	18	31.15	1	Trượt	
327	TDS.01.0633	Phạm Tuyết Nhi	28/10/2005	Nữ	068305006925		1	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T00	Toán	6.9	Sinh học	8.3	16.5	32.36	3	Trúng tuyển	
328	TDS.01.0635	Lý Hồng Nhi	05/07/2003	Nữ	079303009155		3	406	QLTDTT	Vật – Judo	T05	Ngữ văn	6.2	GDCC	7.6	18	31.80	2	Trúng tuyển	
329	TDS.01.0624	Lê Thị Yến Nhi	24/12/2003	Nữ	083303012360		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.8	15	31.70	1	Trúng tuyển	
330	TDS.01.0623	Trần Hoàng Uyển Nhi	25/04/2004	Nữ	060304014423		2	406	HLTT	Bơi lội	T06	Toán	7.3	Địa lí	8.2	20	35.65	1	Trúng tuyển	
331	TDS.01.0631	Phạm Thị Bích Nhi	30/06/2005	Nữ	084305001138		2	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.9	GDCC	8.2	18	33.30	1	Trúng tuyển	
332	TDS.01.0629	Lý Ngọc Nhi	17/10/2005	Nữ	068305010682	01	1	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.4	GDCC	9.2	18	36.21		Trượt	Không ĐKNV
333	TDS.01.0636	Hồ Hạo Nhiên	23/09/2005	Nam	079205027389		2	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	8.1	GDCC	9.5	17	34.73	1	Trúng tuyển	
334	TDS.01.0637	Dương Hồng Nhung	14/10/2005	Nữ	030305010217		2	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	7.3	Vật lí	9.1	16.5	33.08		Trượt	Không ĐKNV
335	TDS.01.0641	Lê Quang Nhựt	19/03/2005	Nam	082305007390		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.7	GDCC	9.4	19	36.33	1	Trúng tuyển	
336	TDS.01.0645	Nguyễn Lâm Nhựt	15/02/2005	Nam	094205010718		1	406	GDTC	Bóng chuyền	T06	Toán	7.0	Địa lí	7.7	18.5	33.81	1	Trượt	
337	TDS.01.0643	Đỗ Minh Nhựt	14/05/2005	Nam	075205016401		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.5	17.5	33.77	6	Trúng tuyển	
338	TDS.01.0647	Ngô Thị Oanh	06/08/2005	Nữ	038305003740		3	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	8.7	GDCC	9.2	16	33.90	1	Trúng tuyển	
339	TDS.01.0649	Lý Nhựt Phẩm	17/08/2005	Nam	094205000916		1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.7	GDCC	7.9	18.5	33.72	1	Trúng tuyển	
340	TDS.01.0648	Nguyễn Minh Phẩm	07/10/2005	Nam	082205009967		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	8.7	GDCC	9.7	16	34.64	5	Trúng tuyển	
341	TDS.01.0653	Kiều Tấn Phát	02/09/2005	Nam	080205012170		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	6.9	Địa lí	8.1	17.5	32.92	2	Trúng tuyển	
342	TDS.01.0654	Trần Thiện Phát	26/04/2005	Nam	082205012626		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.6	Địa lí	8.2	13	28.30	2	Trúng tuyển	
343	TDS.01.0652	Nguyễn Nhật Phát	22/01/2005	Nam	074205005805		2	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	6.7	Địa lí	6.8	19	32.73	1	Trúng tuyển	
344	TDS.01.0651	Hà Tấn Phát	30/05/2005	Nam	054205008614		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.0	Sinh học	8.2	15	31.62	1	Trúng tuyển	
345	TDS.01.0660	Huỳnh Trung Phát	12/03/2004	Nam	091204008547		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.0	Địa lí	8.1	19.5	35.88	2	Trượt	
346	TDS.01.0663	Nguyễn Vũ Hoàng Phi	01/06/2005	Nam	058205007650		2NT	406	GDTC	Bóng rổ	T06	Toán	7.3	Địa lí	7.1	17.5	32.36	1	Trượt	
347	TDS.01.0666	Nguyễn Hoàng Anh Phi	25/02/2005	Nam	074205001397		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.9	GDCC	7.0	16.5	30.90	1	Trúng tuyển	
348	TDS.01.0664	Đa Cát Hoàng Phi	07/07/2005	Nam	068205009503	01	2	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	6.6	Vật lí	8.3	17	33.88		Trượt	Không ĐKNV
349	TDS.01.0667	Ngô Thanh Phong	13/02/2005	Nam	064205004523		2NT	406	HLTT	Năng khiếu chung	T04	Toán	9.0	Vật lí	8.7	19.5	37.37	4	Trượt	
350	TDS.01.0668	Lê Nguyễn Duy Phong	24/09/2005	Nam	070205005586		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	8.4	Vật lí	8.3	18	35.13	1	Trúng tuyển	
351	TDS.01.0677	Nguyễn Lập Phong	20/05/2005	Nam	079205025070		3	406	HLTT	Bóng rổ	T04	Toán	6.7	Vật lí	7.4	16.5	30.60	2	Trượt	
352	TDS.01.0678	Lê Duy Phong	15/09/2005	Nam	038205001411		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.0	GDCC	9.2	16.5	33.70	3	Trượt	
353	TDS.01.0675	Phan Thanh Phong	06/01/2004	Nam	070204007934		2	406	QLTDTT	Võ thuật	T06	Toán	7.1	Địa lí	7.7	18	33.01	1	Trúng tuyển	
354	TDS.01.0673	Nguyễn Võ Khắc Phong	21/07/2005	Nam	068205004090		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán		Địa lí		17	17.75		Trượt	Không ĐKNV
355	TDS.01.0681	Lư Phú	26/06/2004	Nam	079204034216	06a	3	406	GDTC	Năng khiếu chung	T00	Toán	9.7	Sinh học	9.6	15.5	35.19	2	Trượt	
356	TDS.01.0687	Lê Quang Phú	01/08/2002	Nam	079202010324		3	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	6.2	Vật lí	7.9	16.5	30.60	2	Trúng tuyển	
357	TDS.01.0684	Trần Hùng Phú	20/09/2004	Nam	095204003704		1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.0	GDCC	8.3	19.5	34.40	1	Trúng tuyển	
358	TDS.01.0683	Nguyễn Thanh Phú	29/04/2005	Nam	080205004115		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.4	GDCC	8.6	16.5	31.95	1	Trúng tuyển	
359	TDS.01.0685	Lê Hồ Trọng Phú	24/10/2005	Nam	080205007723		2	406	QLTDTT	Bóng đá	T04	Toán	9.1	Vật lí	8.8	13	31.09	2	Trúng tuyển	
360	TDS.01.0682	Phạm Nhật Hoàng Phú	24/02/2005	Nam	080205009986		2NT	406	GDTC	Điền kinh	T05	Ngữ văn	6.6	GDCC	7.4	20	34.40		Trượt	Không ĐKNV
361	TDS.01.0693	Mai Tấn Phúc	29/05/2005	Nam	075205007561		2	406	GDTC	Năng khiếu chung	T06	Toán	8.7	Địa lí	9.1	18.5	36.40	1	Trúng tuyển	
362	TDS.01.0698	Phạm Tâm Phúc	05/01/2005	Nam	075205010957		2NT	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	5.1	Địa lí	7.9	17.5	31.00	1	Trúng tuyển	

TỈNH
 HỘI
 THỂ
 CH PH
 HÍ MI

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	ĐT UT	KV UT	Mã PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Tổng điểm	NV đăng ký	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
363	TDS.01.0701	Nguyễn Trường Phúc	11/10/2005	Nam	079205038407		2	406	GDTC	Cờ vua	T05	Ngữ văn	8.1	GDCD	9.3	20	37.49	1	Trúng tuyển	
364	TDS.01.0691	Đào Trọng Phúc	17/06/2005	Nam	082205007322		2NT	406	HLTT	Bơi lội	T05	Ngữ văn	6.1	GDCD	9.0	19.5	34.94	2	Trúng tuyển	
365	TDS.01.0688	Nguyễn Trọng Phúc	30/11/2005	Nam	083205001861		2	406	GDTC	Năng khiếu chung	T06	Toán	8.9	Địa lí	9.3	19	37.28	2	Trượt	
366	TDS.01.0690	Phạm Minh Phúc	28/12/2003	Nam	079203019746		3	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.5	Địa lí	7.7	18	33.20	2	Trúng tuyển	
367	TDS.01.0692	Nguyễn Thái Huy Phúc	21/06/2005	Nam	075205017401		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.7	Địa lí	9.1	15.5	31.30	2	Trúng tuyển	
368	TDS.01.0697	Trần Bảo Phúc	16/12/2005	Nam	089205014648		2	406	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	7.7	GDCD	8.9	17	33.76		Trượt	Không ĐKNV
369	TDS.01.0704	Trần Nguyễn Hoàng Phúc	06/08/2005	Nam	060205009426		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.4	GDCD	7.2	17.5	32.32	2	Trúng tuyển	
370	TDS.01.1133	Nguyễn Lê Diễm Phúc	15/12/2005	Nữ	086305001810		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.2	18	34.43	1	Trúng tuyển	
371	TDS.01.0705	Nguyễn Thủy Thu Phụng	24/09/1999	Nữ	058199005936		3	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	5.5	Sinh học	8.1	19	32.60	1	Trúng tuyển	
372	TDS.01.0707	Nguyễn Hoàng Bảo Phước	25/01/2005	Nam	083205002494		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.5	Địa lí	9.4	18.5	35.53	1	Trúng tuyển	
373	TDS.01.0708	Đỗ Hữu Phước	30/07/2004	Nam	062204007340		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.7	Địa lí	9.1	19	36.89	1	Trúng tuyển	
374	TDS.01.0709	Lê Trần Thanh Phương	04/01/2002	Nam	087202001708		3	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	8.1	Vật lí	8.8	18	34.90	1	Trúng tuyển	
375	TDS.01.0711	Ngô Nguyễn Thanh Phương	18/04/2005	Nam	052205012577		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	8.3	18.5	34.26		Trượt	Không ĐKNV
376	TDS.01.0713	Mai Tấn Phưởng	11/01/2005	Nam	054205004345		2NT	406	HLTT	Năng khiếu chung	T04	Toán	7.2	Vật lí	7.7	20	35.24	2	Trúng tuyển	
377	TDS.01.0727	Nguyễn Việt Quang	13/08/2005	Nam	034205016541		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.1	Địa lí	7.8	19.5	34.58	1	Trúng tuyển	
378	TDS.01.0726	Chung Anh Quang	29/03/2005	Nam	079205042778		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	9.3	18	34.30	1	Trúng tuyển	
379	TDS.01.0725	Vũ Minh Quang	01/09/2005	Nam	064205010722		1	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	6.4	Sinh học	8.4	18	33.42	2	Trượt	
380	TDS.01.0723	Phạm Nhật Quang	01/08/2005	Nam	074205000712		2	406	GDTC	Bóng đá	T06	Toán		Địa lí		15.5	15.75		Trượt	Không ĐKNV
381	TDS.01.0722	Nguyễn Ngọc Quang	11/08/2002	Nam	092202003681		3	406	HLTT	Cầu lông	T00	Toán	7.4	Sinh học	7.6	18.5	33.50	1	Trúng tuyển	
382	TDS.01.0720	Nguyễn Nhật Quang	16/09/2005	Nam	086205007949		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	7.8	Vật lí	8.2	17.5	33.85	2	Trượt	
383	TDS.01.0735	Nguyễn Trần Minh Quân	14/04/2005	Nam	080205000035		3	406	GDTC	Năng khiếu chung	T04	Toán	7.5	Vật lí	8.9	19.5	35.90	1	Trúng tuyển	
384	TDS.01.0737	Nguyễn Minh Quân	15/04/2005	Nam	087205015216		2	406	HLTT	Thể dục	T00	Toán	7.7	Sinh học	8.0	17.5	33.39	1	Trúng tuyển	
385	TDS.01.0740	Trịnh Hoàng Quân	24/03/2005	Nam	074205001816		3	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.3	Sinh học	8.1	18.5	34.90	1	Trúng tuyển	
386	TDS.01.0732	Vũ Đăng Quân	23/07/2005	Nam	079205014515		3	406	HLTT	Bóng rổ	T00	Toán	7.2	Sinh học	6.5	18.5	32.20	1	Trúng tuyển	
387	TDS.01.0729	Nguyễn Hoàng Quân	04/05/2005	Nam	075205016454		1	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	6.0	GDCD	7.2	16	29.95		Trượt	Không ĐKNV
388	TDS.01.0731	Nguyễn Hồng Quân	07/11/2005	Nam	082205012793		2NT	406	HLTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.8	GDCD	7.6	19	34.74	2	Trúng tuyển	
389	TDS.01.0738	Bùi Văn Quân	03/08/2005	Nam	042205007530		1	406	QLTĐTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	6.6	Địa lí	7.2	20	34.42	2	Trúng tuyển	
390	TDS.01.0741	Trần Thanh Quen	04/02/2005	Nam	096205005780		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.4	GDCD	8.4	18.5	34.80	2	Trúng tuyển	
391	TDS.01.0748	Nguyễn Văn Quốc	10/02/2005	Nam	095205009307		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	5.6	Sinh học	7.5	18	31.35	1	Trúng tuyển	
392	TDS.01.0747	Nguyễn Đông Quốc	29/06/2005	Nam	075205019359		3	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	8.2	Địa lí	7.5	16	31.70	2	Trúng tuyển	
393	TDS.01.0744	Vũ Anh Quốc	19/05/2005	Nam	066205001734		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.2	GDCD	7.8	18.5	33.18	1	Trúng tuyển	
394	TDS.01.0752	Lư Quý	26/06/2004	Nam	079204034217	06a	3	406	GDTC	Năng khiếu chung	T00	Toán	9.8	Sinh học	9.7	18.5	38.17	2	Trượt	
395	TDS.01.0757	Thần Trọng Quý	04/08/2005	Nam	066205008129		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.1	GDCD	7.9	18.5	32.73	2	Trúng tuyển	
396	TDS.01.0758	Trần Ngọc Quý	29/11/2005	Nam	080205001881		2NT	406	GDTC	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.2	GDCD	7.8	19.5	34.85	2	Trượt	
397	TDS.01.0754	Trần Lưu Gia Quý	02/10/2005	Nam	058205001576		2	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	9.75	18	34.83	1	Trúng tuyển	
398	TDS.01.1131	Lê Xuân Quý	08/04/2005	Nam	034205000206		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	6.0	Sinh học	7.1	19	32.35	1	Trúng tuyển	
399	TDS.01.0755	Lê Nguyễn Ngọc Quý	10/11/2005	Nam	068205010033		2	406	HLTT	Bóng rổ	T04	Toán	6.3	Vật lí	8.0	17.5	32.03	1	Trúng tuyển	



✓

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	ĐT UT	KV UT	Mã PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Tổng điểm	NV đăng ký	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
400	TDS.01.0759	Trần Tú Quyên	21/03/2002	Nữ	079302023495		3	406	YSHTDĐT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.4	GDCD	8.4	16.5	32.30		Trượt	Không ĐKNV
401	TDS.01.0763	Mai Công Quyền	10/04/2004	Nam	072204002555	06a	1	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	7.7	Vật lí	9.4	17.5	35.57	1	Trúng tuyển	
402	TDS.01.0762	Nguyễn Mạnh Quyền	29/08/2005	Nam	077205002839		2	406	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn		GDCD		20	20.25		Trượt	Không ĐKNV
403	TDS.01.0765	Hà Văn Quyên	26/12/2005	Nam	038205016333	01	1	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	5.4	Vật lí	8.7	19	35.45	2	Trúng tuyển	
404	TDS.01.0764	Mai Duy Quyền	14/02/2005	Nam	083205009549		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.1	GDCD	8.0	18	32.56	2	Trúng tuyển	
405	TDS.01.0772	Lương Ngọc Quỳnh	20/08/2005	Nam	054205003168		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	6.2	Sinh học	8.3	19	33.70	1	Trúng tuyển	
406	TDS.01.0773	Dương Nhất Salem	01/06/2005	Nữ	077305000199		1	406	YSHTDĐT	Năng khiếu chung	T00	Toán	5.4	Sinh học	7.4	20	33.52		Trượt	Không ĐKNV
407	TDS.01.0777	Lê Thanh Sang	08/06/2005	Nam	082205012612		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	8.6	GDCD	8.8	18.5	36.12	1	Trúng tuyển	
408	TDS.01.0780	Đặng Phước Sang	12/02/2005	Nam	075205010145		3	406	GDTC	Bơi lội	T00	Toán	7.9	Sinh học	9.3	19.5	36.70		Trượt	Không ĐKNV
409	TDS.01.0776	Châu Tuấn Sang	29/10/2005	Nam	083205010963		2NT	406	GDTC	Bóng chuyền	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.0	18.5	34.72		Trượt	Không ĐKNV
410	TDS.01.0782	Trần Quốc Sĩ	23/09/2003	Nam	094203006382	01	1	406	GDTC	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	9.0	18	35.90	2	Trượt	
411	TDS.01.0791	Nguyễn Thái Sơn	29/09/2005	Nam	074205005294		2NT	406	GDTC	Năng khiếu chung	T04	Toán	6.7	Vật lí	6.4	18.5	32.10	1	Trượt	
412	TDS.01.0784	Huỳnh Hoàng Sơn	25/04/2005	Nam	083205003484		2NT	406	GDTC	Bóng đá	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.6	19.5	36.06	1	Trúng tuyển	
413	TDS.01.0785	Nguyễn Duy Sơn	21/09/2005	Nam	001205069170		2	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	8.7	18	33.97	1	Trúng tuyển	
414	TDS.01.0789	Hồ Tôn Trung Sơn	07/09/2005	Nam	056205013145		1	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	5.0	GDCD	7.3	16.5	29.55	2	Trúng tuyển	
415	TDS.01.0790	Trần Nguyễn Trường Sơn	16/10/2004	Nam	075204015096		1	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	5.9	GDCD	6.6	18	31.25	1	Trúng tuyển	
416	TDS.01.0792	Bùi Thiên Sung	10/09/2005	Nam	051205000743		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	7.3	19	33.62	1	Trúng tuyển	
417	TDS.01.0793	Trần Ngọc Sự	09/06/2005	Nam	091205012769		1	406	GDTC	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	8.7	19.5	35.66	1	Trúng tuyển	
418	TDS.01.0801	Nguyễn Anh Tài	15/02/2005	Nam	068205000209		3	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	6.3	Địa lí	8.1	16	30.40	2	Trúng tuyển	
419	TDS.01.0800	Trần Phạm Đức Tài	19/05/2005	Nam	040205007064		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.2	Địa lí	7.2	19	32.64	2	Trúng tuyển	
420	TDS.01.0805	Huỳnh Đức Tài	14/03/2005	Nam	079205015269		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.3	Địa lí	8.6	19	34.90	2	Trúng tuyển	
421	TDS.01.0795	Phạm Thành Tài	24/05/2005	Nam	083205005199		2NT	406	QLTDTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	9.1	18.5	35.19	1	Trúng tuyển	
422	TDS.01.0796	Võ Tấn Tài	31/03/2005	Nam	082205008651		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.5	Sinh học	7.9	19.5	35.06	1	Trúng tuyển	
423	TDS.01.0797	Mai Nguyễn Tấn Tài	12/03/2005	Nam	079205026531		2	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	7.6	Sinh học	8.2	18	33.97	1	Trúng tuyển	
424	TDS.01.0812	Nguyễn Thành Tâm	19/01/2004	Nam	077204004925		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.4	Sinh học	8.5	19	36.14	1	Trúng tuyển	
425	TDS.01.0806	Bùi Nhật Tâm	15/05/2004	Nam	074204000660		2	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	6.3	Sinh học	7.6	18	32.14	2	Trúng tuyển	
426	TDS.01.0813	Trần Văn Chí Tâm	02/11/2003	Nam	080203012543		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.9	Địa lí	7.8	16.5	32.20	3	Trúng tuyển	
427	TDS.01.0815	Nguyễn Thành Tân	29/09/2004	Nam	082204011938		2	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	8.5	Vật lí	7.5	19	35.15	2	Trúng tuyển	
428	TDS.01.0825	Nguyễn Nhật Tân	03/04/2005	Nam	058205002940		2	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	5.6	Sinh học	7.1	20	32.94	1	Trúng tuyển	
429	TDS.01.0823	Đỗ Đặng Hoàng Tân	01/02/2004	Nam	087204009542		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.8	GDCD	7.4	13.5	28.20	2	Trúng tuyển	
430	TDS.01.0824	Nguyễn Minh Tân	26/11/2005	Nam	087205003974		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.3	Sinh học	9.4	13.5	30.64	2	Trúng tuyển	
431	TDS.01.0826	Võ Huỳnh Minh Tân	06/10/2005	Nam	079205019485		2	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	5.9	GDCD	8.0	19.5	33.61	2	Trúng tuyển	
432	TDS.01.0829	Ôn - Tấn - Tiến	22/08/2005	Nam	066205000847		1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.6	GDCD	8.6	19	36.53	1	Trúng tuyển	
433	TDS.01.0830	Nguyễn Minh Tiến	19/05/2005	Nam	082205008636		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	8.2	Vật lí	8.1	16.5	33.16	1	Trúng tuyển	
434	TDS.01.0832	Trần Lê Cao Tiến	10/09/2005	Nam	089205007832		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.6	15	32.09	1	Trúng tuyển	
435	TDS.01.1153	Nguyễn Thị Til	28/02/2006	Nữ	096306004291		2NT	406	YSHTDĐT	Năng khiếu chung	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.4	19	34.93	1	Trúng tuyển	
436	TDS.01.0835	Nguyễn Trung Tín	11/01/2005	Nam	066205006495		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	8.0	18.5	33.63		Trượt	Không ĐKNV

Luc

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	ĐT ỨT	KV ỨT	Mã PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Tổng điểm	NV đăng ký	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
437	TDS.01.0834	Trương Thành Tín	27/04/2005	Nam	056205005888		2	406	GDTC	Bóng rổ	T00	Toán	6.9	Sinh học	7.9	16.5	31.53	1	Trượt	
438	TDS.01.0844	Nguyễn Văn Toàn	10/10/2001	Nam	060201003277		3	406	GDTC	Năng khiếu chung	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.4	20	36.10	1	Trúng tuyển	
439	TDS.01.0842	Lê Minh Toàn	02/05/2005	Nam	087205016040		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.8	GDCD	8.2	17.5	33.85	1	Trúng tuyển	
440	TDS.01.0845	Võ Đức Song Toàn	30/04/2004	Nam	066204000010		2	406	HLTT	Bóng rổ	T06	Toán	7.1	Địa lí	7.9	17.5	32.71	1	Trúng tuyển	
441	TDS.01.0841	Phan Quốc Toàn	18/01/2005	Nam	082205003109		2NT	406	GDTC	Năng khiếu chung	T00	Toán	8.9	Sinh học	9.1	19	37.17		Trượt	Không ĐKNV
442	TDS.01.0838	Trương Đức Toàn	03/05/2005	Nam	096205008530		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.1	Địa lí	9.5	16.5	34.52	3	Trượt	
443	TDS.01.0839	Lê Văn Toàn	16/05/2005	Nam	038205001076		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	6.5	Địa lí	9.1	18.5	34.27	1	Trúng tuyển	
444	TDS.01.0850	Nguyễn Thị Thanh Tú	29/04/1999	Nữ	079199023289		3	406	GDTC	Năng khiếu chung	T06	Toán	6.7	Địa lí	7.6	19.5	33.80	2	Trượt	
445	TDS.01.0853	Trần Nguyễn Anh Tú	15/05/2005	Nam	051205010387		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.2	GDCD	9.0	17.5	34.04	2	Trượt	
446	TDS.01.0856	Nguyễn Đức Tú	08/03/2004	Nam	051204008057		3	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.1	GDCD	8.2	17	31.30	1	Trúng tuyển	
447	TDS.01.0854	Lý Thị Cẩm Tú	11/05/2004	Nữ	082304014348		2	405	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	8.0	20	36.13	2	Trượt	
448	TDS.01.0855	Đỗ Minh Tú	23/06/2005	Nam	079205004501		3	406	HLTT	Bóng bàn	T05	Ngữ văn	7.7	GDCD	8.7	20	36.40		Trượt	Không ĐKNV
449	TDS.01.0849	Trần Anh Tú	12/02/2004	Nam	079204043792		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn		GDCD		17	17.00		Trượt	Không ĐKNV
450	TDS.01.0851	Lê Thanh Tú	19/10/2005	Nam	070205011250		2	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	5.8	GDCD	7.9	18	31.94	1	Trúng tuyển	
451	TDS.01.0858	Lê Anh Tuấn	08/12/2003	Nam	001203027601		3	406	YSHTD TT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	6.7	GDCD	8.4	19	34.10	1	Trúng tuyển	
452	TDS.01.0865	Hoàng Minh Tuấn	23/10/2005	Nam	070205003155	01	1	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	8.3	18	35.14	2	Trúng tuyển	
453	TDS.01.0866	Trần Minh Tuấn	01/04/2004	Nam	083204002480		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	9.3	Vật lí	8.0	13.5	31.20	1	Trúng tuyển	
454	TDS.01.0862	Đoàn Minh Tuấn	24/07/2005	Nam	052205002864	01	2NT	406	GDTC	Bóng đá	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.6	17	35.03		Trượt	Không ĐKNV
455	TDS.01.0863	Đàm Minh Tuấn	20/10/2004	Nam	068204000738		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.3	Địa lí	7.8	17	31.84	1	Trúng tuyển	
456	TDS.01.0872	Hồ Anh Tuấn	07/05/2004	Nam	052204002967		2	406	YSHTD TT	Năng khiếu chung	T00	Toán	8.5	Sinh học	8.5	19.5	36.61	1	Trúng tuyển	
457	TDS.01.0869	Châu Văn Tuấn	01/07/2004	Nam	070204002072		1	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	6.7	Vật lí	8.1	17	32.47		Trượt	Không ĐKNV
458	TDS.01.0873	Lê Phạm Anh Tuấn	10/11/2005	Nam	079205030569		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.7	GDCD	8.4	17.5	32.60	1	Trúng tuyển	
459	TDS.01.0860	Nguyễn Anh Tuấn	28/01/2005	Nam	079205005119		2	406	HLTT	Thế dục	T06	Toán	8.1	Địa lí	8.9	16	33.17	10	Trúng tuyển	
460	TDS.01.0867	Lê Quang Tuấn	02/01/2003	Nam	068203001733		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	5.9	GDCD	7.7	12.5	26.10	1	Trúng tuyển	
461	TDS.01.0868	Vòng Trọng Anh Tuấn	24/10/2005	Nam	068205003289	06a	1	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.8	GDCD	7.2	18	33.63	1	Trúng tuyển	
462	TDS.01.0875	Nguyễn Tuệ	27/06/2005	Nam	075205001361		2	406	HLTT	Thế dục	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.8	17.5	34.74	6	Trượt	
463	TDS.01.0879	Bùi Văn Tùng	07/07/2005	Nam	064205009762		2	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	7.4	18	32.52		Trượt	Không ĐKNV
464	TDS.01.1135	Nguyễn Thanh Tuyền	21/10/2005	Nữ	086305002365		2NT	406	GDTC	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.5	GDCD	8.2	20	36.92	1	Trúng tuyển	
465	TDS.01.0885	Đặng Trần Khánh Tường	29/11/2004	Nam	079204027330		3	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	5.5	GDCD	7.9	18	31.40	2	Trúng tuyển	
466	TDS.01.0884	Nguyễn Đăng Tường	23/08/2005	Nam	058205002742		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	5.3	Vật lí	7.8	18	31.60	1	Trúng tuyển	
467	TDS.01.0883	Phạm Công Thiên Tường	02/02/2005	Nam	079205006798		2	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	5.9	GDCD	8.7	17.5	32.32	1	Trúng tuyển	
468	TDS.01.0888	Phạm Quốc Thái	14/08/2005	Nam	038205000902		2	406	GDTC	Bóng đá	T00	Toán	6.0	Sinh học	8.4	16.5	31.15	2	Trượt	
469	TDS.01.0889	Nguyễn Đức Thái	17/10/2005	Nam	030205002872		3	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	8.3	17.5	32.80	1	Trúng tuyển	
470	TDS.01.0890	Cao Trịnh Hoàng Thái	22/02/2005	Nam	074205001269		3	406	HLTT	Bóng rổ	T00	Toán	9.2	Sinh học	9.1	15	33.30	3	Trúng tuyển	
471	TDS.01.0886	Trần Quốc Thái	05/10/2004	Nam	079204016177		3	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	9.6	Vật lí	9.4	18	37.00	1	Trúng tuyển	
472	TDS.01.0891	Đỗ Nguyễn Anh Thái	24/07/2005	Nam	054205007174		2NT	406	YSHTD TT	Năng khiếu chung	T06	Toán	7.5	Địa lí	9.5	19.5	36.72	3	Trượt	
473	TDS.01.0892	Phạm Hữu Thông Thái	01/11/2005	Nam	089205024272		2	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.2	14.5	30.44	2	Trúng tuyển	



Handwritten signature or mark.

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	ĐT UT	KV UT	Mã PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Tổng điểm	NV đăng ký	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
474	TDS.01.0893	Lâm Ngọc Thiên Thanh	21/12/2005	Nữ	094305001507		1	406	HLTT	Bóng rổ	T06	Toán	7.8	Địa lí	9.1	19.5	36.74		Trượt	Không ĐKNV
475	TDS.01.0894	Tô Đông Thanh	12/08/2005	Nam	082205001312		2NT	406	GDTC	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	7.7	16.5	31.30	1	Trượt	
476	TDS.01.0896	Đoàn Văn Thanh	13/09/2005	Nam	068205008882		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.9	Địa lí	8.0	17	32.34	2	Trúng tuyển	
477	TDS.01.1132	Nguyễn Hoài Thanh Thanh	10/01/2005	Nữ	060305000952		2NT	406	QLTDDT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.4	GDCD	7.7	19.5	34.94	2	Trúng tuyển	
478	TDS.01.0895	Trần Tân Thanh	03/09/2005	Nam	079205012791		3	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	6.7	18	31.60	1	Trúng tuyển	
479	TDS.01.0898	Hoàng Văn Thành	02/03/2005	Nam	066205015146		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	7.1	Vật lí	7.1	18.5	33.36	2	Trúng tuyển	
480	TDS.01.0908	Nguyễn Lê Phú Thành	23/01/2005	Nam	079205016580		3	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	8.8	18	33.70	1	Trúng tuyển	
481	TDS.01.0900	Đỗ Hữu Thành	01/04/2005	Nam	079205014841		3	406	HLTT	Bóng rổ	T06	Toán	7.2	Địa lí	7.4	16.5	31.10	3	Trúng tuyển	
482	TDS.01.0901	Huỳnh Nguyễn Thành	10/02/2005	Nam	086205006347		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	6.6	Địa lí	8.4	17	32.43	1	Trúng tuyển	
483	TDS.01.0902	Nghiêm Công Thành	02/01/2005	Nam	077205000552		2	405	HLTT	Bóng bàn	T05	Ngữ văn	5.5	GDCD	9.25	20	34.83	1	Trúng tuyển	
484	TDS.01.0904	Lê Minh Thành	20/02/2005	Nam	056205011073		2	406	HLTT	Bóng rổ	T04	Toán	5.7	Vật lí	8.1	15	29.05	2	Trúng tuyển	
485	TDS.01.0905	Ngô Quốc Tín Thành	10/05/2005	Nam	070205004839		2	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	7.6	Vật lí	9.0	18	34.75	1	Trúng tuyển	
486	TDS.01.0911	Đoàn Lê Phương Thảo	27/07/2005	Nữ	095305000655		2	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	8.5	18	33.97	1	Trúng tuyển	
487	TDS.01.0923	Nguyễn Thị Thanh Thảo	18/04/2002	Nữ	075302019961		3	406	HLTT	Bơi lội	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	8.2	20	35.30	1	Trúng tuyển	
488	TDS.01.0924	Dương Thanh Thảo	16/10/2005	Nữ	087305017010		2NT	406	HLTT	Điền kinh	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	8.9	19	35.49	1	Trúng tuyển	
489	TDS.01.0925	Nguyễn Hồ Quốc Thắng	25/12/2003	Nam	054203003239		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.3	Địa lí	7.5	19.5	34.85	1	Trúng tuyển	
490	TDS.01.0926	Nguyễn Ngọc Thắng	24/06/2000	Nam	079200040255		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	4.8	Sinh học	9.1	18	31.90		Trượt	Không ĐKNV
491	TDS.01.0927	Bùi Hữu Thắng	17/07/2002	Nam	242020339		3	406	HLTT	Thế dục	T00	Toán	9.3	Sinh học	9.2	18	36.50	1	Trúng tuyển	
492	TDS.01.1148	Nguyễn Phan Đức Thắng	24/01/2005	Nam	075205009539		2	406	GDTC	Bóng đá	T04	Toán	6.7	Vật lí	7.5	19.5	33.90		Trượt	Không ĐKNV
493	TDS.01.0928	Lang Đình Thân	30/08/2004	Nam	067204001280		1	406	QLTDDT	Võ thuật	T00	Toán	6.8	Sinh học	7.2	15	29.75		Trượt	Không ĐKNV
494	TDS.01.0929	Nguyễn Văn Thát	10/11/2005	Nam	060205008689		2NT	406	GDTC	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.1	GDCD	7.6	18.5	32.67	1	Trượt	
495	TDS.01.0933	Lương Đình Thi	30/07/2005	Nam	058205002477		2NT	406	HLTT	Bơi lội	T04	Toán	6.8	Vật lí	8.4	19.5	35.04	1	Trúng tuyển	
496	TDS.01.0943	Lương Minh Thiện	16/06/2005	Nam	060205000573		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	5.3	Địa lí	8.3	18	32.09		Trượt	Không ĐKNV
497	TDS.01.0938	Trần Lê Ngọc Thiện	20/10/2005	Nam	038205016007		2	406	QLTDDT	Năng khiếu chung	T06	Toán	7.8	Địa lí	8.9	17.5	34.35	1	Trúng tuyển	
498	TDS.01.0942	Trần Quang Thiện	22/08/2005	Nam	082205015961		2NT	406	GDTC	Điền kinh	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.5	17	33.46		Trượt	Không ĐKNV
499	TDS.01.1149	Nguyễn Quốc Thịnh	26/02/2004	Nam	095204010059		3	406	HLTT	Điền kinh	T00	Toán	8.7	Sinh học	9.2	20	37.90	1	Trúng tuyển	
500	TDS.01.0953	Trần Mậu Thịnh	07/06/2005	Nam	060205006735		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	7.8	17.5	32.36	1	Trúng tuyển	
501	TDS.01.0958	Đoàn Quốc Thịnh	10/09/2005	Nam	079205020503		3	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	9.0	18	34.00	1	Trúng tuyển	
502	TDS.01.0959	A Cường Thịnh	10/05/2005	Nam	062205006172	01	1	405	GDTC	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.	GDCD	8.75	19	36.58	2	Trúng tuyển	
503	TDS.01.0957	Võ Hoàng Thịnh	18/02/2005	Nam	072205004439		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	9.4	14	30.52	1	Trúng tuyển	
504	TDS.01.0954	Lê Khắc Thịnh	12/11/2005	Nam	060205012304		2	406	GDTC	Năng khiếu chung	T06	Toán	6.4	Địa lí	7.6	19	33.22	1	Trượt	
505	TDS.01.0951	Phan Trường Thịnh	09/11/2005	Nam	080205013938		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.3	GDCD	7.7	14	28.25	1	Trúng tuyển	
506	TDS.01.0948	Nguyễn Trường Thịnh	07/02/2005	Nam	086205003438		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán		Sinh học		18.5	18.75		Trượt	Không ĐKNV
507	TDS.01.0960	Phan Ngọc Thọ	27/06/2003	Nam	067203006174		1	406	HLTT	Điền kinh	T04	Toán	6.6	Vật lí	7.7	18	32.97	2	Trúng tuyển	
508	TDS.01.0967	Nguyễn Huỳnh Thông	23/12/2005	Nam	095205000645		2	406	HLTT	Cầu lông	T00	Toán	6.1	Sinh học	6.9	18	31.25	1	Trúng tuyển	
509	TDS.01.0968	Đỗ Thị Ngọc Thu	17/11/2005	Nữ	080305002618		2NT	406	QLTDDT	Võ thuật	T00	Toán	9.1	Sinh học	9.1	17	35.42	1	Trúng tuyển	
510	TDS.01.0969	Đặng Gia Thuận	29/03/2004	Nam	079204004736	06a	3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	7.6	14.5	30.20	1	Trúng tuyển	

E
 ĐƯỢC
 AI HỌC
 UC THI
 ANH P
 CHỈM
 *

✓

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	ĐT UT	KV UT	Mã PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Tổng điểm	NV đăng ký	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
511	TDS.01.0970	Lê Sỹ Thuận	20/04/2005	Nam	066205017507		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.4	Địa lí	8.8	16	32.39	1	Trúng tuyển	
512	TDS.01.0972	Lê Hữu Thuận	26/09/2005	Nam	052205009550		2	405	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	9.5	20	36.62	1	Trúng tuyển	
513	TDS.01.0980	Trần Thị Như Thùy	27/10/2005	Nữ	052305002743		3	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	8.9	Sinh học	9.3	18	36.20	3	Trượt	
514	TDS.01.0983	Phạm Thị Phương Thủy	06/12/2005	Nữ	060305011482		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T06	Toán	6.6	Địa lí	8.0	19.5	34.48	1	Trúng tuyển	
515	TDS.01.0984	Lê Trúc Thư	18/04/2004	Nữ	074304000463		2NT	406	GDTC	Bóng bàn	T05	Ngữ văn	7.8	GDCD	8.6	19.5	36.16	1	Trúng tuyển	
516	TDS.01.0985	Lê Thị Thanh Thư	29/11/2005	Nữ	089305016874		2NT	406	QLTDDT	Năng khiếu chung	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.5	17	33.55	2	Trúng tuyển	
517	TDS.01.0987	Trần Hoàng Thúc	22/03/2004	Nam	077204006535		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.1	Địa lí	8.1	18.5	34.26	1	Trúng tuyển	
518	TDS.01.0995	Trần Thị Kiều Trang	21/03/2005	Nữ	068305005368		2NT	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	8.75	19	35.47	1	Trúng tuyển	
519	TDS.01.0991	Huỳnh Thị Thùy Trang	25/10/2003	Nữ	077303001860		3	406	HLTT	Điện kinh	T04	Toán	7.6	Vật lí	8.2	20	35.80	1	Trúng tuyển	
520	TDS.01.1141	Trần Thùy Trang	02/02/2005	Nữ	079305011301		3	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	6.3	Vật lí	7.9	18	32.20		Trượt	Không ĐKNV
521	TDS.01.0999	Lê Quỳnh Trâm	25/10/2005	Nữ	095305002911		2	406	YSHTDDT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	8.6	17.5	34.26	1	Trúng tuyển	
522	TDS.01.1010	Nguyễn Thị Ngọc Trân	26/04/2004	Nữ	092304003676		3	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	8.3	Vật lí	8.7	18	35.00		Trượt	Không ĐKNV
523	TDS.01.1009	Phạm Quyền Trân	06/04/2004	Nữ	089304004826		2	405	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	8.5	20	36.52	1	Trúng tuyển	
524	TDS.01.1004	Đinh Thị Huyền Trân	11/05/2005	Nữ	083305002029		1	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	8.8	Sinh học	9.6	17	35.71	1	Trúng tuyển	
525	TDS.01.1003	Nguyễn Thị Quế Trân	28/04/2005	Nữ	087305010375		1	406	HLTT	Điện kinh	T06	Toán	7.8	Địa lí	8.1	19	35.36	1	Trúng tuyển	
526	TDS.01.1143	Trần Thị Tuyết Trân	20/01/2004	Nữ	082304005507		2	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	8.3	Sinh học	8.9	20	37.29	1	Trúng tuyển	
527	TDS.01.1006	Ngô Huyền Trân	08/02/2005	Nữ	064305000346		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	8.5	Vật lí	8.9	17.5	35.29	4	Trượt	
528	TDS.01.1015	Đinh Minh Trí	29/09/2002	Nam	079202024059		3	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	5.7	Vật lí	8.3	17	31.00	1	Trúng tuyển	
529	TDS.01.1013	Đào Minh Trí	28/12/2002	Nam	096202010431		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.2	GDCD	8.0	10.5	24.70	1	Trúng tuyển	
530	TDS.01.1019	Lâm Minh Trí	31/08/2004	Nam	094204010289		1	406	QLTDDT	Võ thuật	T06	Toán	7.9	Địa lí	7.4	18	33.87	2	Trượt	
531	TDS.01.1024	Đỗ Thành Trí	16/03/2005	Nam	080205002983		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.4	Địa lí	9.4	15	32.18	1	Trúng tuyển	
532	TDS.01.1026	Dương Nguyễn Đức Trí	28/05/2004	Nam	079204002080		3	406	HLTT	Bơi lội	T04	Toán	7.4	Vật lí	6.5	19.5	33.40		Trượt	Không ĐKNV
533	TDS.01.1023	Trần Hữu Trí	01/06/2005	Nam	084205009453		2	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	5.9	GDCD	8.2	17	31.35	1	Trúng tuyển	
534	TDS.01.1150	Phạm Hoàng Mạnh Trí	01/10/2005	Nam	074205010343		3	406	GDTC	Bóng đá	T04	Toán	6.6	Vật lí	8.0	19.5	34.10	2	Trượt	
535	TDS.01.1016	Ngô Văn Đức Trí	09/11/2005	Nam	079205014845		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.2	Địa lí	8.6	13.5	30.30	1	Trúng tuyển	
536	TDS.01.1030	Phạm Nguyên Triệu	11/09/2005	Nam	066205005661		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	6.8	Địa lí	8.3	18	33.49	1	Trúng tuyển	
537	TDS.01.1031	Nguyễn Mạnh Triệu	08/01/2005	Nam	075205017975		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	5.2	GDCD	6.4	13.5	25.35	1	Trúng tuyển	
538	TDS.01.1032	Đỗ Thị Ngọc Trinh	26/03/2005	Nữ	060305002083		2	406	HLTT	Bơi lội	T04	Toán	6.6	Vật lí	7.2	20	34.01		Trượt	Không ĐKNV
539	TDS.01.1033	Lê Tổ Trinh	29/09/2005	Nữ	070305006747		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	9.4	Sinh học	9.8	17.5	36.77	3	Trượt	
540	TDS.01.1036	Vũ Đức Trọng	16/08/2005	Nam	091205012561		2NT	406	GDTC	Cầu lông	T06	Toán	8.7	Địa lí	8.9	18.5	36.31	1	Trúng tuyển	
541	TDS.01.1038	Trần Ngọc Trúc	12/03/2005	Nữ	089305018585		2	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.4	GDCD	8.9	18	34.46	1	Trúng tuyển	
542	TDS.01.1042	Huỳnh Đức Trung	27/08/2002	Nam	080202001476		3	406	GDTC	Bóng đá	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.0	17.5	32.90	1	Trượt	
543	TDS.01.1041	Nguyễn Khắc Hoài Trung	07/01/2005	Nam	075205001741		2	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.4	Địa lí	7.9	18	33.49	1	Trúng tuyển	
544	TDS.01.1048	Trần Xuân Trung	06/09/2004	Nam	058204006611		1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	5.9	GDCD	7.5	15.5	29.65	1	Trúng tuyển	
545	TDS.01.1043	Ngô Văn Trung	14/02/2005	Nam	056205005827		2NT	406	HLTT	Bóng rổ	T00	Toán	6.1	Sinh học	7.6	16	30.20	1	Trúng tuyển	
546	TDS.01.1045	Lê Đức Trung	05/03/2005	Nam	075205015656		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.4	Địa lí	8.9	18.5	36.15	1	Trúng tuyển	
547	TDS.01.1137	Nguyễn Thành Trung	06/03/2005	Nam	068205014929		1	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	7.2	Vật lí	8.2	19.5	35.39	2	Trúng tuyển	

THAO
C
THAO
HỒ
NH
HỒ

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	ĐT UT	KV UT	Mã PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Tổng điểm	NV đăng ký	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
548	TDS.01.1050	Phan Quốc Trung	08/01/2005	Nam	042205004793		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.4	Địa lí	8.5	17.5	33.58	1	Trúng tuyển	
549	TDS.01.1053	Vũ Quang Trường	10/03/2003	Nam	040203013577		3	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	6.0	GDCD	7.3	18	31.30	1	Trúng tuyển	
550	TDS.01.1056	Nguyễn Xuân Trường	13/02/2005	Nam	056205001314		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.4	Địa lí	8.2	18.5	34.62	2	Trúng tuyển	
551	TDS.01.1059	Nguyễn Đặng Đăng Trường	31/12/2005	Nam	080205002404		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.9	Địa lí	6.7	17.5	31.60	1	Trúng tuyển	
552	TDS.01.1156	Cà Tô Uyên	31/12/2004	Nữ	014304003476	01	1	406	HLTT	Điền kinh	T04	Toán	6.1	Vật lí	7.1	20	35.69	1	Trúng tuyển	
553	TDS.01.1062	Hà Tiểu Vạn	26/04/2005	Nam	091205004159		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	5.5	Địa lí	7.5	20	33.70	2	Trúng tuyển	
554	TDS.01.1065	Nguyễn Trác Văn	12/11/2005	Nam	062205007859	01	1	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	6.1	Sinh học	6.5	19.5	34.85	1	Trúng tuyển	
555	TDS.01.1067	Huỳnh Thảo Vân	04/08/2005	Nữ	052305008284		2	406	HLTT	Điền kinh	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	7.9	19.5	34.48		Trượt	Không ĐKNV
556	TDS.01.1069	Nguyễn Thị Trang Vi	25/12/2005	Nữ	068305010499		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.5	Địa lí	7.6	18	33.49	1	Trúng tuyển	
557	TDS.01.1074	Giang Huỳnh Quốc Việt	03/09/2005	Nam	049205012144		2	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	8.6	18	34.07	1	Trúng tuyển	
558	TDS.01.1075	Phan Quốc Việt	27/04/2005	Nam	077205003800		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.7	Sinh học	8.6	17	33.65	1	Trúng tuyển	
559	TDS.01.1084	Nguyễn Thế Vinh	04/04/2003	Nam	079203020778		3	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.6	18	34.90	2	Trúng tuyển	
560	TDS.01.1086	Trịnh Nguyễn Thế Vinh	30/04/2004	Nam	083204009738		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.0	Địa lí	8.0	18	33.40	1	Trúng tuyển	
561	TDS.01.1082	Mạc Thế Vinh	06/12/2005	Nam	054205001152		2	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	6.6	Địa lí	6.6	19.5	32.94	1	Trúng tuyển	
562	TDS.01.1091	Nguyễn Quốc Vinh	15/11/2005	Nam	074205004190		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.1	Địa lí	8.7	16	32.01	1	Trúng tuyển	
563	TDS.01.1089	Trần Lâm Quốc Vinh	03/09/2004	Nam	094204004014		1	406	HLTT	Bóng rổ	T06	Toán	8.2	Địa lí	8.5	17	34.18	1	Trúng tuyển	
564	TDS.01.1078	Lê Quang Vinh	07/02/2005	Nam	089205024889		2	405	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	8.0	20	35.55	1	Trúng tuyển	
565	TDS.01.1151	Đoàn Tiến Vinh	16/08/2005	Nam	040205021358		3	406	QLTDTT	Bóng đá	T04	Toán	6.4	Vật lí	8.5	19	33.90	1	Trúng tuyển	
566	TDS.01.1080	Đào Trần Tuấn Vinh	05/12/2005	Nam	082205014616		2	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	8.75	19.5	35.55	1	Trúng tuyển	
567	TDS.01.1081	Nguyễn Thành Vinh	06/05/2005	Nam	062205001745		2	406	GDTC	Bóng đá	T00	Toán	6.8	Sinh học	8.4	14	29.45	2	Trượt	
568	TDS.01.1096	Nhan Dương Vũ	13/03/2005	Nam	094205005701		1	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	8.4	Địa lí	8.7	19.5	36.92	1	Trúng tuyển	
569	TDS.01.1101	Phạm Vĩnh Anh Vũ	12/11/2005	Nam	066205001501		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	5.8	GDCD	8.2	18	32.70	2	Trúng tuyển	
570	TDS.01.1100	Nguyễn Hoàng Vũ	28/09/2005	Nam	074205000764		2	406	HLTT	Bơi lội	T06	Toán	6.2	Địa lí	8.3	19.5	34.19	1	Trúng tuyển	
571	TDS.01.1103	Nguyễn Ngọc Nguyên Vũ	23/11/2005	Nam	066205004787		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.3	Địa lí	8.1	17.5	33.49		Trượt	Không ĐKNV
572	TDS.01.1102	Đỗ Trường Vũ	16/03/2005	Nam	062205001617		1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	5.9	GDCD	7.3	16	29.95	2	Trúng tuyển	
573	TDS.01.1094	Lê Nguyễn Vũ	08/01/2003	Nam	083203002411		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.5	Địa lí	9.3	16	32.80	2	Trúng tuyển	
574	TDS.01.1098	Nguyễn Hoàng Thanh Vũ	17/08/2005	Nam	079205014457		3	406	HLTT	Bơi lội	T06	Toán	6.5	Địa lí	8.1	19.5	34.10	2	Trúng tuyển	
575	TDS.01.1108	Đoàn Đình Tiên Vương	18/02/2005	Nam	058205000096		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	6.6	Địa lí	7.2	18	32.28	1	Trúng tuyển	
576	TDS.01.1109	Phan Minh Vương	19/08/2003	Nam	066203008458		2	406	HLTT	Bóng rổ	T04	Toán	8.3	Vật lí	8.4	17	33.86	2	Trúng tuyển	
577	TDS.01.1119	Lý Ngọc Khương Vy	02/01/2005	Nữ	079305002596		3	406	YSHTDTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	7.3	13	27.40	2	Trúng tuyển	
578	TDS.01.1120	Nguyễn Thanh Thảo Vy	21/07/2005	Nữ	074305006190		2	405	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	6.0	GDCD	9.5	20	35.55	1	Trúng tuyển	
579	TDS.01.1118	Ngô Thị Ngọc Vy	12/02/2005	Nữ	052305008480		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.4	GDCD	8.7	18.5	33.98	2	Trượt	
580	TDS.01.1116	Trần Triệu Vy	12/10/2005	Nữ	068305004829	01	1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	6.8	Địa lí	7.6	18.5	35.23	1	Trúng tuyển	
581	TDS.01.1121	Đặng Gia Vy	15/06/2005	Nam	079205032899		2	406	HLTT	Bơi lội	T06	Toán	6.9	Địa lí	7.3	20	34.39	1	Trúng tuyển	
582	TDS.01.1126	Trần Thị Phi Yến	12/11/2005	Nữ	079305011239		3	405	HLTT	Điền kinh	T05	Ngữ văn	8.75	GDCD	9.25	20	37.90	3	Trúng tuyển	
583	TDS.01.1127	Nguyễn Thị Yến	07/11/2005	Nữ	066305000772		1	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	7.7	Sinh học	8.3	16	32.60	1	Trúng tuyển	